PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tư số 03/2014/TT-BTNMT ngày 12 tháng 02 năm 2014 ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ phần đất liền tỉnh Nghệ An

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ
CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH NGHỆ AN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2014/TT-BTNMT
ngày 12 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Phần II
DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ
CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ PHẦN ĐẤT LIỀN TỈNH NGHỆ AN

(Tiếp theo Công báo số 259 + 260)

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
sông Lam Trà	TV	xã Nam Cát	H. Nam Đàn			18° 39' 19"	105° 36' 35"	18° 42' 02"	105° 33' 13"	E-48-32-C-a
xóm Mỹ Thiện	DC	xã Nam Cát	H. Nam Đàn	18° 38' 08"	105° 36' 05"					E-48-32-C-a
xóm Phú Nhuận	DC	xã Nam Cát	H. Nam Đàn	18° 38' 54"	105° 34' 47"					E-48-32-C-a
xóm Quý Đức	DC	xã Nam Cát	H. Nam Đàn	18° 39' 12"	105° 35' 39"					E-48-32-C-a
xóm Thọ Mới	DC	xã Nam Cát	H. Nam Đàn	18° 39' 09"	105° 34' 56"					E-48-32-C-a
xóm Thuận Mỹ	DC	xã Nam Cát	H. Nam Đàn	18° 38' 39"	105° 35' 04"					E-48-32-C-a
xóm Trung Lang	DC	xã Nam Cát	H. Nam Đàn	18° 38' 40"	105° 35' 32"					E-48-32-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 1	DC	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 36' 00"	105° 35' 19"					E-48-32-C-c
xóm 2	DC	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 35' 50"	105° 35' 27"					E-48-32-C-c
xóm 3A	DC	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 36' 05"	105° 35' 35"					E-48-32-C-c
xóm 3B	DC	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 35' 59"	105° 35' 38"					E-48-32-C-c
xóm 4	DC	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 35' 33"	105° 36' 00"					E-48-32-C-c
xóm 5	DC	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 35' 22"	105° 36' 09"					E-48-32-C-c
xóm 6	DC	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 35' 05"	105° 36' 08"					E-48-32-C-c
xóm 7	DC	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 34' 57"	105° 36' 11"					E-48-32-C-c
xóm 8	DC	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 34' 49"	105° 36' 07"					E-48-32-C-c
xóm 9	DC	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 35' 07"	105° 35' 38"					E-48-32-C-c
xóm 10	DC	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 34' 38"	105° 35' 41"					E-48-32-C-c
Sông Lam	TV	xã Nam Cường	H. Nam Đàn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-c
cầu Yên Xuân	KX	xã Nam Cường	H. Nam Đàn	18° 35' 49"	105° 36' 45"					E-48-32-C-c
xóm 1	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 41' 06"	105° 35' 03"					E-48-32-C-a
xóm 2	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 41' 01"	105° 35' 12"					E-48-32-C-a
xóm 3	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 41' 03"	105° 35' 22"					E-48-32-C-a
xóm 4	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 40' 56"	105° 35' 18"					E-48-32-C-a
xóm 5	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 40' 51"	105° 35' 29"					E-48-32-C-a
xóm 6	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 41' 05"	105° 35' 31"					E-48-32-C-a
xóm 7	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 41' 58"	105° 36' 05"					E-48-32-C-a
xóm 8	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 42' 26"	105° 35' 31"					E-48-32-C-a
xóm 9	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 42' 20"	105° 35' 26"					E-48-32-C-a
xóm 10	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 42' 13"	105° 35' 03"					E-48-32-C-a
xóm 11	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 42' 16"	105° 34' 44"					E-48-32-C-a
xóm 12	DC	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 40' 45"	105° 36' 07"					E-48-32-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
quốc lộ 46	KX	xã Nam Giang	H. Nam Đàn			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-C-a
đường tỉnh 539	KX	xã Nam Giang	H. Nam Đàn			18° 40' 24'	105° 35' 20"	18° 40' 51"	105° 34' 09"	E-48-32-C-a
mộ Bà Hoàng Thị Loan	KX	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 42' 32"	105° 34' 56"					E-48-32-C-a
Sông Đào	TV	xã Nam Giang	H. Nam Đàn			18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"	E-48-32-C-a
Núi Mượu	SV	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 41' 21"	105° 36' 13"					E-48-32-C-a
hồ Rú Dơi	TV	xã Nam Giang	H. Nam Đàn	18° 42' 16"	105° 35' 40"					E-48-32-C-a
quốc lộ 15	KX	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-31-B-d, E-48-31-D
xóm Ba Hai	DC	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 45' 32"	105° 26' 09"					E-48-31-B-d
xóm Bắc Sơn 1	DC	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 45' 01"	105° 25' 18"					E-48-31-B-d
xóm Bắc Sơn 2	DC	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 45' 08"	105° 24' 55"					E-48-31-B-d
núi Đá Đen	SV	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 46' 57"	105° 24' 15"					E-48-31-B-d
xóm Đình Long 1	DC	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 46' 31"	105° 24' 51"					E-48-31-B-d
xóm Đình Long 2	DC	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 46' 45"	105° 24' 56"					E-48-31-B-d
núi Động Cáo	SV	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 47' 41"	105° 25' 33"					E-48-31-B-d
xóm Hồng Lam	DC	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 45' 03"	105° 26' 02"					E-48-31-B-d
xóm Hồng Lĩnh	DC	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 44' 49"	105° 25' 42"					E-48-31-B-d
xóm Hưng Thành	DC	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 45' 11"	105° 26' 36"					E-48-31-B-d
xóm Lam Sơn	DC	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 46' 36"	105° 25' 24"					E-48-31-B-d
núi Thần Tuy	SV	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 46' 51"	105° 27' 12"					E-48-31-D
xóm Tiền Phong	DC	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 46' 10"	105° 25' 28"					E-48-31-B-d
đập Trang Đen	TV	xã Nam Hưng	H. Nam Đàn	18° 45' 02"	105° 25' 31"					E-48-31-B-d
quốc lộ 15	KX	xã Nam Kim	H. Nam Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-32-C-c
xóm Đa Lộc	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 35' 11"	105° 33' 08"					E-48-32-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Đặc Sãn	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 34"	105° 32' 58"					E-48-32-C-c
Núi Dải	SV	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 43"	105° 32' 59"					E-48-32-C-c
Hói Dông	TV	xã Nam Kim	H. Nam Đàn			18° 34' 08"	105° 35' 07"	18° 35' 07"	105° 34' 03"	E-48-32-C-c
xóm Động Dài	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 33' 41"	105° 33' 02"					E-48-32-C-c
xóm Động Táng	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 35' 03"	105° 32' 31"					E-48-32-C-c
xóm Eo Vòng	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 45"	105° 32' 00"					E-48-32-C-c
xóm Hạ Truy	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 27"	105° 35' 01"					E-48-32-C-c
xóm Hậu Láng	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 26"	105° 34' 39"					E-48-32-C-c
Xóm Hủng	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 51"	105° 33' 05"					E-48-32-C-c
xóm Hưng Mồ	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 38"	105° 32' 41"					E-48-32-C-c
xóm Khe Cao	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 35' 17"	105° 31' 42"					E-48-32-C-c
xóm Khe Lau	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 35' 10"	105° 31' 55"					E-48-32-C-c
xóm Khe Nước	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 11"	105° 33' 12"					E-48-32-C-c
xóm Mãnh San	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 19"	105° 33' 04"					E-48-32-C-c
Làng Mới	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 24"	105° 32' 25"					E-48-32-C-c
xóm Môn Định	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 52"	105° 32' 08"					E-48-32-C-c
xóm Nhà Hiêu	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 35' 05"	105° 32' 51"					E-48-32-C-c
xóm Tam Giáp	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 41"	105° 34' 23"					E-48-32-C-c
Hồ Thành	TV	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 27"	105° 32' 15"					E-48-32-C-c
xóm Thung Huyện	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 33' 53"	105° 33' 03"					E-48-32-C-c
xóm Thượng Truy	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 33"	105° 34' 47"					E-48-32-C-c
xóm Tiền Láng	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 16"	105° 34' 36"					E-48-32-C-c
xóm Trang Nậy	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 22"	105° 32' 50"					E-48-32-C-c
xóm Yên Mã	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 33' 43"	105° 33' 41"					E-48-32-C-c
xóm Yên Vịnh	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 34' 20"	105° 33' 21"					E-48-32-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Yên Vực	DC	xã Nam Kim	H. Nam Đàn	18° 33' 52"	105° 33' 25"					E-48-32-C-c
xóm 1	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 41' 31"	105° 32' 31"					E-48-32-C-a
xóm 2	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 41' 51"	105° 32' 18"					E-48-32-C-a
xóm 3	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 41' 58"	105° 32' 05"					E-48-32-C-a
xóm 4	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 42' 03"	105° 32' 22"					E-48-32-C-a
xóm 5	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 41' 55"	105° 32' 30"					E-48-32-C-a
xóm 6	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 42' 00"	105° 32' 46"					E-48-32-C-a
xóm 7	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 41' 52"	105° 33' 01"					E-48-32-C-a
xóm 8	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 41' 51"	105° 33' 18"					E-48-32-C-a
xóm 9	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 42' 14"	105° 34' 19"					E-48-32-C-a
xóm 10	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 42' 37"	105° 34' 27"					E-48-32-C-a
xóm 11	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 42' 56"	105° 34' 05"					E-48-32-C-a
xóm 12	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 43' 10"	105° 33' 57"					E-48-32-C-a
xóm 13	DC	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 42' 45"	105° 33' 46"					E-48-32-C-a
quốc lộ 46	KX	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-C-a
đường tỉnh 539	KX	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn			18° 40' 24'	105° 35' 20"	18° 40' 51"	105° 34' 09"	E-48-32-C-a
núi Đại Huệ	SV	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn	18° 43' 21"	105° 34' 40"					E-48-32-C-a
Sông Đào	TV	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn			18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"	E-48-32-C-a
sông Lam Trà	TV	xã Nam Lĩnh	H. Nam Đàn			18° 39' 19"	105° 36' 35"	18° 42' 02"	105° 33' 13"	E-48-32-C-a
xóm 1	DC	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn	18° 40' 30"	105° 29' 36"					E-48-31-D
xóm 2	DC	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn	18° 40' 16"	105° 29' 47"					E-48-31-D
xóm 3	DC	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn	18° 40' 00"	105° 29' 49"					E-48-31-D
xóm 4	DC	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn	18° 39' 49"	105° 29' 44"					E-48-31-D
xóm 5	DC	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn	18° 39' 43"	105° 29' 50"					E-48-31-D
xóm 6	DC	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn	18° 39' 19"	105° 29' 56"					E-48-32-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 7	DC	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn	18° 39' 12"	105° 29' 43"					E-48-31-D
xóm 8	DC	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn	18° 39' 09"	105° 30' 05"					E-48-32-C-a
xóm 9	DC	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn	18° 39' 01"	105° 30' 19"					E-48-32-C-a
xóm 10	DC	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn	18° 38' 38"	105° 30' 26"					E-48-32-C-a
quốc lộ 15	KX	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-31-D, E-48-32-C-a
đường tỉnh 533	KX	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn			18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"	E-48-31-D, E-48-32-C-a
Làng Chài	DC	xã Nam Lộc	H. Nam Đàn	18° 39' 38"	105° 29' 55"					E-48-32-C-a
xóm 1	DC	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 45' 16"	105° 27' 15"					E-48-31-B-d
xóm 2	DC	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 45' 09"	105° 27' 24"					E-48-31-B-d
xóm 3	DC	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 44' 47"	105° 27' 01"					E-48-31-B-d
xóm 4	DC	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 44' 50"	105° 27' 22"					E-48-31-B-d
xóm 5	DC	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 44' 42"	105° 27' 42"					E-48-31-B-d
xóm 6	DC	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 44' 51"	105° 27' 50"					E-48-31-B-d
xóm 7	DC	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 44' 45"	105° 28' 12"					E-48-31-B-d
xóm 8	DC	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 44' 58"	105° 28' 26"					E-48-31-B-d
xóm 9	DC	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 45' 32"	105° 27' 55"					E-48-31-B-d
xóm 10	DC	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 45' 38"	105° 27' 38"					E-48-31-B-d
xóm 11	DC	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 44' 16"	105° 27' 34"					E-48-31-B-d
quốc lộ 15	KX	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-31-B-d, E-48-31-D
Suối Cam	TV	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn			18° 45' 40"	105° 27' 15"	18° 44' 21"	105° 29' 08"	E-48-31-B-d
đập Cửa Ông	TV	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 45' 40"	105° 27' 15"					E-48-31-B-d
núi Thần Tuy	SV	xã Nam Nghĩa	H. Nam Đàn	18° 46' 51"	105° 27' 12"					E-48-31-B-d
xóm 1	DC	xã Nam Phúc	H. Nam Đàn	18° 35' 22"	105° 34' 25"					E-48-32-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 2	DC	xã Nam Phúc	H. Nam Đàn	18° 35' 33"	105° 34' 54"					E-48-32-C-c
xóm 3	DC	xã Nam Phúc	H. Nam Đàn	18° 35' 33"	105° 35' 09"					E-48-32-C-c
xóm 4	DC	xã Nam Phúc	H. Nam Đàn	18° 35' 23"	105° 35' 10"					E-48-32-C-c
xóm 5	DC	xã Nam Phúc	H. Nam Đàn	18° 35' 16"	105° 34' 56"					E-48-32-C-c
xóm 6	DC	xã Nam Phúc	H. Nam Đàn	18° 35' 05"	105° 34' 56"					E-48-32-C-c
xóm 7	DC	xã Nam Phúc	H. Nam Đàn	18° 35' 14"	105° 35' 09"					E-48-32-C-c
xóm 8	DC	xã Nam Phúc	H. Nam Đàn	18° 35' 05"	105° 35' 11"					E-48-32-C-c
Hói Dông	TV	xã Nam Phúc	H. Nam Đàn			18° 34' 08"	105° 35' 07"	18° 35' 07"	105° 34' 03"	E-48-32-C-c
xóm 1	DC	xã Nam Tân	H. Nam Đàn	18° 40' 21"	105° 28' 21"					E-48-31-D
xóm 2	DC	xã Nam Tân	H. Nam Đàn	18° 41' 02"	105° 28' 29"					E-48-31-D
xóm 3	DC	xã Nam Tân	H. Nam Đàn	18° 41' 15"	105° 28' 39"					E-48-31-D
xóm 4	DC	xã Nam Tân	H. Nam Đàn	18° 41' 09"	105° 29' 03"					E-48-31-D
xóm 5	DC	xã Nam Tân	H. Nam Đàn	18° 40' 53"	105° 28' 59"					E-48-31-D
xóm 6	DC	xã Nam Tân	H. Nam Đàn	18° 40' 41"	105° 29' 05"					E-48-31-D
xóm 7	DC	xã Nam Tân	H. Nam Đàn	18° 40' 38"	105° 29' 13"					E-48-31-D
quốc lộ 15	KX	xã Nam Tân	H. Nam Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-31-D
núi Động Chúa	SV	xã Nam Tân	H. Nam Đàn	18° 39' 51"	105° 28' 01"					E-48-31-D
Sông Lam	TV	xã Nam Tân	H. Nam Đàn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-D, E-48-32-C-a
cầu Nam Đàn	KX	xã Nam Tân	H. Nam Đàn	18° 41' 49"	105° 29' 37"					E-48-31-D
Núi Voi	SV	xã Nam Tân	H. Nam Đàn	18° 41' 09"	105° 28' 53"					E-48-31-D
xóm 1	DC	xã Nam Thái	H. Nam Đàn	18° 43' 10"	105° 26' 40"					E-48-31-D
xóm 2	DC	xã Nam Thái	H. Nam Đàn	18° 43' 13"	105° 26' 57"					E-48-31-D
xóm 3	DC	xã Nam Thái	H. Nam Đàn	18° 42' 59"	105° 27' 14"					E-48-31-D
xóm 4	DC	xã Nam Thái	H. Nam Đàn	18° 43' 02"	105° 27' 34"					E-48-31-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 5	DC	xã Nam Thái	H. Nam Đàn	18° 43' 41"	105° 27' 15"					E-48-31-D
xóm 6	DC	xã Nam Thái	H. Nam Đàn	18° 43' 42"	105° 26' 55"					E-48-31-D
xóm 7	DC	xã Nam Thái	H. Nam Đàn	18° 44' 01"	105° 26' 32"					E-48-31-D
xóm 8	DC	xã Nam Thái	H. Nam Đàn	18° 42' 35"	105° 27' 30"					E-48-31-D
quốc lộ 15	KX	xã Nam Thái	H. Nam Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-31-D
quốc lộ 46	KX	xã Nam Thái	H. Nam Đàn			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-31-D
Sông Gang	TV	xã Nam Thái	H. Nam Đàn			18° 51' 44"	105° 24' 55"	18° 41' 54"	105° 27' 23"	E-48-31-D
xóm 1A	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 43' 17"	105° 30' 12"					E-48-32-C-a
xóm 1B	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 44' 49"	105° 30' 22"					E-48-32-C-a
xóm 2A	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 43' 08"	105° 30' 05"					E-48-32-C-a
xóm 2B	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 44' 37"	105° 30' 20"					E-48-32-C-a
xóm 3A	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 43' 15"	105° 29' 57"					E-48-32-C-a
xóm 3B	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 44' 59"	105° 30' 18"					E-48-32-C-a
xóm 4A	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 43' 28"	105° 30' 04"					E-48-31-D
xóm 4B	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 44' 18"	105° 30' 06"					E-48-31-D
xóm 5A	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 43' 34"	105° 29' 53"					E-48-31-D
xóm 5B	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 44' 50"	105° 29' 45"					E-48-31-D
xóm 6A	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 43' 46"	105° 29' 13"					E-48-31-D
xóm 6B	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 44' 36"	105° 29' 46"					E-48-31-D
xóm 7A	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 43' 47"	105° 29' 53"					E-48-32-C-a
xóm 7B	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 44' 53"	105° 29' 25"					E-48-31-D
xóm 8B	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 44' 45"	105° 29' 33"					E-48-31-D
xóm 9B	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 45' 35"	105° 29' 07"					E-48-31-B-d
xóm 10B	DC	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 45' 42"	105° 28' 54"					E-48-31-B-d
Suối Cam	TV	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn			18° 45' 40"	105° 27' 15"	18° 44' 21"	105° 29' 08"	E-48-31-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Cồn Túi	SV	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 44' 08"	105° 28' 36"					E-48-31-D
đập Đá Hàn	TV	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 45' 53"	105° 28' 46"					E-48-31-B-d
núi Đá Mài	SV	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 46' 01"	105° 29' 24"					E-48-31-B-d
đập Hưng Cốc	TV	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 44' 50"	105° 30' 37"					E-48-32-C-a
đập Rào Băng	TV	xã Nam Thanh	H. Nam Đàn	18° 44' 02"	105° 29' 56"					E-48-31-D
xóm 1	DC	xã Nam Thượng	H. Nam Đàn	18° 41' 08"	105° 26' 35"					E-48-31-D
xóm 2	DC	xã Nam Thượng	H. Nam Đàn	18° 41' 00"	105° 26' 48"					E-48-31-D
xóm 3	DC	xã Nam Thượng	H. Nam Đàn	18° 40' 56"	105° 27' 09"					E-48-31-D
xóm 4	DC	xã Nam Thượng	H. Nam Đàn	18° 41' 12"	105° 27' 51"					E-48-31-D
xóm 5	DC	xã Nam Thượng	H. Nam Đàn	18° 41' 34"	105° 28' 01"					E-48-31-D
Núi Đụn	SV	xã Nam Thượng	H. Nam Đàn	18° 42' 07"	105° 28' 04"					E-48-31-D
Sông Lam	TV	xã Nam Thượng	H. Nam Đàn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-D
xóm 1	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 51"	105° 34' 04"					E-48-32-C-c
xóm 2	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 39"	105° 33' 59"					E-48-32-C-c
xóm 3	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 42"	105° 34' 13"					E-48-32-C-c
xóm 4	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 41"	105° 34' 25"					E-48-32-C-c
xóm 5	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 44"	105° 34' 34"					E-48-32-C-c
xóm 6	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 36"	105° 34' 41"					E-48-32-C-c
xóm 7	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 22"	105° 34' 27"					E-48-32-C-c
xóm 8	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 21"	105° 34' 39"					E-48-32-C-c
xóm 9	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 35' 56"	105° 34' 41"					E-48-32-C-c
xóm 10	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 07"	105° 34' 48"					E-48-32-C-c
xóm 11	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 22"	105° 34' 56"					E-48-32-C-c
xóm 12	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 27"	105° 35' 03"					E-48-32-C-c
xóm 13	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 19"	105° 35' 12"					E-48-32-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 14	DC	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 13"	105° 35' 16"					E-48-32-C-c
Hói Dông	TV	xã Nam Trung	H. Nam Đàn			18° 34' 08"	105° 35' 07"	18° 35' 07"	105° 34' 03"	E-48-32-C-c
Núi Hốc	SV	xã Nam Trung	H. Nam Đàn	18° 36' 38"	105° 33' 41"					E-48-32-C-c
Sông Lam	TV	xã Nam Trung	H. Nam Đàn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-c
xóm 1	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 42' 44"	105° 31' 55"					E-48-32-C-a
xóm 2	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 42' 38"	105° 32' 10"					E-48-32-C-a
xóm 3	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 42' 48"	105° 32' 21"					E-48-32-C-a
xóm 4	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 44' 37"	105° 32' 28"					E-48-32-C-a
xóm 5	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 44' 16"	105° 32' 40"					E-48-32-C-a
xóm 6	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 44' 17"	105° 32' 53"					E-48-32-C-a
xóm 7	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 44' 05"	105° 33' 07"					E-48-32-C-a
xóm 8	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 43' 41"	105° 32' 58"					E-48-32-C-a
xóm 9	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 43' 36"	105° 33' 16"					E-48-32-C-a
xóm 10	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 43' 34"	105° 33' 32"					E-48-32-C-a
xóm 11	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 43' 11"	105° 33' 15"					E-48-32-C-a
xóm 12	DC	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 43' 00"	105° 33' 17"					E-48-32-C-a
Sông Đào	TV	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn			18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"	E-48-32-C-a
dãy núi Đại Huệ	SV	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn			18° 45' 57"	105° 30' 34"	18° 45' 19"	105° 32' 32"	E-48-32-C-c
núi Hùng Vĩ	SV	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 44' 32"	105° 33' 24"					E-48-32-C-a
đập Khe Đình	TV	xã Nam Xuân	H. Nam Đàn	18° 43' 55"	105° 32' 59"					E-48-32-C-a
quốc lộ 15	KX	xã Vân Diên	H. Nam Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-31-D
quốc lộ 46	KX	xã Vân Diên	H. Nam Đàn			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-C-a, E-48-31-D
xóm Bắc Sơn	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 22"	105° 29' 47"					E-48-31-D
xóm Bắc Thung	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 43' 00"	105° 29' 03"					E-48-31-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Cồn Túi	SV	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 44' 08"	105° 28' 36"					E-48-31-D
Sông Đào	TV	xã Vân Diên	H. Nam Đàn			18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"	E-48-32-C-a
xóm Đông Tiến	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 55"	105° 30' 19"					E-48-31-D
Núi Đụn	SV	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 07"	105° 28' 04"					E-48-31-D
xóm Đụn Sơn	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 23"	105° 28' 38"					E-48-31-D
xóm Hà Long	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 21"	105° 29' 15"					E-48-31-D
xóm Hồ Sơn	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 43' 18"	105° 28' 48"					E-48-31-D
xóm Hùng Lĩnh	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 31"	105° 28' 23"					E-48-31-D
Sông Lam	TV	xã Vân Diên	H. Nam Đàn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-31-D
xóm Nam Bình	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 29"	105° 29' 49"					E-48-31-D
xóm Nam Sơn	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 09"	105° 29' 45"					E-48-31-D
xóm Nam Thung	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 49"	105° 28' 50"					E-48-31-D
xóm Nhật Đông	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 23"	105° 30' 27"					E-48-31-D
xóm Nhật Quang	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 20"	105° 30' 02"					E-48-31-D
xóm Quy Chính 1	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 52"	105° 29' 46"					E-48-31-D
xóm Quy Chính 2	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 48"	105° 29' 53"					E-48-31-D
xóm Sư Phạm	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 43' 37"	105° 29' 01"					E-48-31-D
Núi Thung	SV	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 49"	105° 29' 01"					E-48-31-D
xóm Trung Đông	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 35"	105° 29' 51"					E-48-31-D
xóm Trường Long	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 58"	105° 28' 28"					E-48-31-D
xóm Vạn An	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 42' 08"	105° 29' 50"					E-48-31-D
xóm Vệ Nông	DC	xã Vân Diên	H. Nam Đàn	18° 43' 54"	105° 28' 53"					E-48-31-D
xóm 1	DC	xã Xuân Hòa	H. Nam Đàn	18° 41' 27"	105° 30' 43"					E-48-32-C-a
xóm 2	DC	xã Xuân Hòa	H. Nam Đàn	18° 41' 21"	105° 30' 52"					E-48-32-C-a
xóm 3	DC	xã Xuân Hòa	H. Nam Đàn	18° 41' 39"	105° 31' 11"					E-48-32-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 4	DC	xã Xuân Hòa	H. Nam Đàn	18° 41' 49"	105° 31' 06"					E-48-32-C-a
xóm 5	DC	xã Xuân Hòa	H. Nam Đàn	18° 41' 59"	105° 31' 19"					E-48-32-C-a
xóm 6	DC	xã Xuân Hòa	H. Nam Đàn	18° 42' 06"	105° 31' 13"					E-48-32-C-a
xóm 7	DC	xã Xuân Hòa	H. Nam Đàn	18° 42' 16"	105° 31' 15"					E-48-32-C-a
xóm 8	DC	xã Xuân Hòa	H. Nam Đàn	18° 42' 25"	105° 31' 18"					E-48-32-C-a
xóm 9	DC	xã Xuân Hòa	H. Nam Đàn	18° 42' 21"	105° 31' 32"					E-48-32-C-a
xóm 10	DC	xã Xuân Hòa	H. Nam Đàn	18° 42' 13"	105° 31' 30"					E-48-32-C-a
xóm 11	DC	xã Xuân Hòa	H. Nam Đàn	18° 42' 13"	105° 31' 41"					E-48-32-C-a
xóm 12	DC	xã Xuân Hòa	H. Nam Đàn	18° 41' 54"	105° 31' 16"					E-48-32-C-a
quốc lộ 46	KX	xã Xuân Hòa	H. Nam Đàn			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-C-a
đường tỉnh 542	KX	xã Xuân Hòa	H. Nam Đàn			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-a
Sông Đào	TV	xã Xuân Hòa	H. Nam Đàn			18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"	E-48-32-C-a
Sông Lam	TV	xã Xuân Hòa	H. Nam Đàn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-a
xóm 1	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 27"	105° 31' 57"					E-48-32-C-a
xóm 2	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 24"	105° 32' 01"					E-48-32-C-a
xóm 3	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 24"	105° 32' 10"					E-48-32-C-a
xóm 4	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 26"	105° 32' 21"					E-48-32-C-a
xóm 5	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 28"	105° 32' 28"					E-48-32-C-a
xóm 6	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 29"	105° 32' 42"					E-48-32-C-a
xóm 7	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 25"	105° 32' 48"					E-48-32-C-a
xóm 8	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 25"	105° 32' 59"					E-48-32-C-a
xóm 9	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 18"	105° 33' 07"					E-48-32-C-a
xóm 10	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 12"	105° 33' 16"					E-48-32-C-a
xóm 11	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 06"	105° 33' 23"					E-48-32-C-a
xóm 12	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 14"	105° 33' 26"					E-48-32-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 13	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 15"	105° 33' 20"					E-48-32-C-a
xóm 14	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 17"	105° 33' 32"					E-48-32-C-a
xóm 15	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 38' 23"	105° 33' 19"					E-48-32-C-a
xóm 16	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 39' 33"	105° 33' 08"					E-48-32-C-a
xóm 17	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 39' 26"	105° 33' 10"					E-48-32-C-a
xóm 18	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 39' 20"	105° 33' 19"					E-48-32-C-a
xóm 19	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 39' 27"	105° 33' 24"					E-48-32-C-a
xóm 20	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 39' 33"	105° 33' 26"					E-48-32-C-a
xóm 21	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 39' 04"	105° 33' 34"					E-48-32-C-a
xóm 22	DC	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn	18° 39' 11"	105° 33' 44"					E-48-32-C-a
đường tỉnh 542	KX	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-a
Sông Lam	TV	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-a
sông Lam Trà	TV	xã Xuân Lâm	H. Nam Đàn			18° 39' 19"	105° 36' 35"	18° 42' 02"	105° 33' 13"	E-48-32-C-a
quốc lộ 1	KX	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-A-d
đường tỉnh 534	KX	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"	E-48-32-A-d
xóm Kim Liên	DC	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc	18° 47' 12"	105° 38' 26"					E-48-32-A-d
ga Quán Hành	KX	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc	18° 47' 05"	105° 38' 44"					E-48-32-A-d
tổ dân phố số 1	DC	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc	18° 47' 22"	105° 38' 34"					E-48-32-A-d
tổ dân phố số 2	DC	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc	18° 47' 15"	105° 38' 27"					E-48-32-A-d
tổ dân phố số 3	DC	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc	18° 47' 02"	105° 38' 28"					E-48-32-A-d
tổ dân phố số 4	DC	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc	18° 46' 28"	105° 38' 44"					E-48-32-A-d
tổ dân phố số 5	DC	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc	18° 46' 26"	105° 38' 28"					E-48-32-A-d
tổ dân phố số 6	DC	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc	18° 46' 37"	105° 38' 26"					E-48-32-A-d
tổ dân phố số 7	DC	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc	18° 46' 49"	105° 38' 22"					E-48-32-A-d
tổ dân phố số 8	DC	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc	18° 46' 36"	105° 37' 57"					E-48-32-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
tổ dân phố số 9	DC	TT. Quán Hành	H. Nghi Lộc	18° 47' 39"	105° 38' 45"					E-48-32-A-d
xóm 1	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 03"	105° 32' 09"					E-48-32-A-c
xóm 2	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 48"	105° 32' 44"					E-48-32-A-c
xóm 3	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 41"	105° 32' 51"					E-48-32-A-c
xóm 4	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 49"	105° 33' 02"					E-48-32-A-c
xóm 5	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 40"	105° 33' 08"					E-48-32-A-c
xóm 6	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 25"	105° 33' 14"					E-48-32-A-c
xóm 7	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 35"	105° 33' 29"					E-48-32-A-c
xóm 8	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 35"	105° 33' 44"					E-48-32-A-c
xóm 9	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 34"	105° 33' 59"					E-48-32-A-c
xóm 10	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 31"	105° 34' 13"					E-48-32-A-c
xóm 11	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 25"	105° 34' 24"					E-48-32-A-c
xóm 12	DC	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 35"	105° 34' 29"					E-48-32-A-c
Núi Công	SV	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 25"	105° 34' 12"					E-48-32-A-c
Núi Dài	SV	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 43"	105° 31' 17"					E-48-32-A-c
hồ Nghi Công	TV	xã Nghi Công Bắc	H. Nghi Lộc	18° 47' 29"	105° 32' 21"					E-48-32-A-c
xóm 1	DC	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 46' 10"	105° 34' 06"					E-48-32-A-c
xóm 2	DC	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 45' 50"	105° 33' 39"					E-48-32-A-c
xóm 3	DC	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 46' 48"	105° 33' 24"					E-48-32-A-c
xóm 4	DC	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 46' 58"	105° 33' 36"					E-48-32-A-c
xóm 5	DC	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 47' 08"	105° 33' 40"					E-48-32-A-c
xóm 6	DC	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 47' 06"	105° 33' 23"					E-48-32-A-c
xóm 7	DC	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 47' 22"	105° 33' 43"					E-48-32-A-c
xóm 8	DC	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 47' 12"	105° 33' 56"					E-48-32-A-c
xóm 9	DC	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 47' 02"	105° 34' 09"					E-48-32-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 10	DC	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 47' 07"	105° 34' 22"					E-48-32-A-c
Núi Công	SV	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 47' 25"	105° 34' 12"					E-48-32-A-c
hồ Khe Thị	TV	xã Nghi Công Nam	H. Nghi Lộc	18° 46' 19"	105° 32' 41"					E-48-32-A-c
xóm 1	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 45' 52"	105° 37' 31"					E-48-32-A-d
xóm 2	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 45' 59"	105° 37' 26"					E-48-32-A-d
xóm 3	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 46' 09"	105° 37' 21"					E-48-32-A-d
xóm 4	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 46' 20"	105° 37' 27"					E-48-32-A-c
xóm 5	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 46' 31"	105° 37' 26"					E-48-32-A-c
xóm 6	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 46' 46"	105° 37' 21"					E-48-32-A-c
xóm 7	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 47' 10"	105° 37' 31"					E-48-32-A-d
xóm 8	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 47' 11"	105° 37' 09"					E-48-32-A-c
xóm 9	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 47' 08"	105° 36' 57"					E-48-32-A-c
xóm 10	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 46' 43"	105° 37' 15"					E-48-32-A-c
xóm 11	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 46' 33"	105° 37' 15"					E-48-32-A-d
xóm 12	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 46' 18"	105° 37' 19"					E-48-32-A-d
xóm 13	DC	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc	18° 46' 05"	105° 37' 20"					E-48-32-A-c
sông Chợ Cầu	TV	xã Nghi Diên	H. Nghi Lộc			18° 47' 43"	105° 36' 46"	18° 45' 11"	105° 36' 44"	E-48-32-A-c
xóm 1	DC	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 50' 10"	105° 36' 23"					E-48-32-A-c
xóm 2	DC	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 49' 59"	105° 36' 16"					E-48-32-A-c
xóm 3	DC	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 49' 46"	105° 35' 57"					E-48-32-A-c
xóm 4	DC	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 49' 54"	105° 35' 51"					E-48-32-A-c
xóm 5	DC	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 50' 53"	105° 34' 59"					E-48-32-A-c
xóm 6	DC	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 49' 19"	105° 35' 20"					E-48-32-A-c
xóm 7	DC	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 49' 16"	105° 35' 43"					E-48-32-A-c
xóm 8	DC	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 48' 53"	105° 36' 12"					E-48-32-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 9	DC	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 49' 03"	105° 36' 31"					E-48-32-A-c
Sông Cấm	TV	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc			18° 50' 52"	105° 38' 52"	18° 50' 00"	105° 42' 57"	E-48-32-A-c
Núi Chờ	SV	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 49' 02"	105° 35' 36"					E-48-32-A-c
Núi Khê	SV	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 49' 00"	105° 36' 43"					E-48-32-A-c
đập Ồ Ồ	TV	xã Nghi Đồng	H. Nghi Lộc	18° 50' 19"	105° 35' 28"					E-48-32-A-c
quốc lộ 1	KX	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-A-c
kênh 17	TV	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc			18° 45' 34"	105° 37' 10"	18° 42' 27"	105° 38' 07"	E-48-32-A-c
đường tỉnh 534	KX	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"	E-48-32-A-c
Sông Cấm	TV	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc			18° 50' 52"	105° 38' 52"	18° 50' 00"	105° 42' 57"	E-48-32-A-c, E-48-32-A-d
xóm Chợ Quán	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 47' 59"	105° 37' 37"					E-48-32-A-c
xóm Đức Thành	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 47' 43"	105° 37' 23"					E-48-32-A-c
xóm Hậu Hòa	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 47' 57"	105° 37' 11"					E-48-32-A-c
xóm Hoa Bắc	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 48' 03"	105° 38' 26"					E-48-32-A-c
xóm Hoa Đông	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 47' 47"	105° 38' 37"					E-48-32-A-d
xóm Hoa Nam	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 47' 46"	105° 38' 24"					E-48-32-A-d
xóm Hoa Tây	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 48' 01"	105° 37' 49"					E-48-32-A-d
xóm Hoa Trung	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 47' 55"	105° 38' 24"					E-48-32-A-c
xóm Ngọc Đường	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 47' 35"	105° 37' 22"					E-48-32-A-c
cầu Phương Tích	KX	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 48' 29"	105° 36' 46"					E-48-32-A-c
sông Phương Tích	TV	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc			18° 47' 43"	105° 36' 46"	18° 45' 11"	105° 36' 44"	E-48-32-A-c
xóm Thượng Thọ	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 48' 02"	105° 37' 21"					E-48-32-A-c
xóm Trung Thành	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 47' 52"	105° 37' 13"					E-48-32-A-c
xóm Vận Tải	DC	xã Nghi Hoa	H. Nghi Lộc	18° 48' 09"	105° 37' 17"					E-48-32-A-c
xóm 1	DC	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 49' 12"	105° 41' 36"					E-48-32-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 2	DC	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 49' 06"	105° 41' 29"					E-48-32-A-d
xóm 3	DC	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 48' 53"	105° 41' 28"					E-48-32-A-d
xóm 4	DC	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 48' 46"	105° 41' 38"					E-48-32-A-d
xóm 5	DC	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 48' 46"	105° 41' 21"					E-48-32-A-d
xóm 6	DC	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 48' 40"	105° 41' 24"					E-48-32-A-d
xóm 7	DC	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 48' 32"	105° 41' 23"					E-48-32-A-d
xóm 8	DC	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 48' 25"	105° 41' 13"					E-48-32-A-d
xóm 9	DC	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 48' 37"	105° 40' 58"					E-48-32-A-d
xóm 10	DC	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 48' 27"	105° 40' 52"					E-48-32-A-d
xóm 11	DC	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 49' 10"	105° 41' 57"					E-48-32-A-d
quốc lộ 46	KX	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-A-d
đường tỉnh 536	KX	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc			18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"	E-48-32-A-d
Núi Hang	SV	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 49' 08"	105° 42' 09"					E-48-32-A-d
cầu Nghi Xá	KX	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	18° 49' 25"	105° 41' 08"					E-48-32-A-d
Núi Thông	SV	xã Nghi Hợp	H. Nghi Lộc	19° 19' 25"	104° 10' 59"					E-48-17-A
xóm 1	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 11"	105° 37' 42"					E-48-32-A-d
xóm 2	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 49' 25"	105° 37' 12"					E-48-32-A-c
xóm 3	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 49' 19"	105° 37' 05"					E-48-32-A-c
xóm 4	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 28"	105° 35' 53"					E-48-32-A-d
xóm 5	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 10"	105° 36' 37"					E-48-32-A-c
xóm 6	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 40"	105° 36' 11"					E-48-32-A-c
xóm 7	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 53"	105° 36' 06"					E-48-32-A-c
xóm 8	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 51"	105° 36' 20"					E-48-32-A-c
xóm 9	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 49"	105° 36' 42"					E-48-32-A-c
xóm 10	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 49"	105° 36' 52"					E-48-32-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 11	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 52"	105° 37' 03"					E-48-32-A-c
xóm 12	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 45"	105° 37' 10"					E-48-32-A-c
xóm 13	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 48"	105° 37' 18"					E-48-32-A-c
xóm 14	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 37"	105° 37' 20"					E-48-32-A-d
xóm 15	DC	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 50' 38"	105° 37' 36"					E-48-32-A-d
Sông Cấm	TV	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc			18° 50' 52"	105° 38' 52"	18° 50' 00"	105° 42' 57"	E-48-32-A-c, E-48-32-A-d
núi Thần Vũ	SV	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 52' 02"	105° 35' 42"					E-48-32-A-c
đèo Truông Sắt	SV	xã Nghi Hưng	H. Nghi Lộc	18° 51' 09"	105° 37' 19"					E-48-32-A-c
quốc lộ 46	KX	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-A-d
Núi Hang	SV	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 49' 08"	105° 42' 09"					E-48-32-A-d
xóm Khánh Đền	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 48' 30"	105° 42' 15"					E-48-32-A-d
xóm Khánh Đông	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 48' 53"	105° 42' 13"					E-48-32-A-d
xóm Khánh Nghĩa	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 48' 20"	105° 41' 37"					E-48-32-A-d
xóm Khánh Sơn	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 47' 40"	105° 41' 48"					E-48-32-A-d
xóm Khánh Tân	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 48' 11"	105° 41' 44"					E-48-32-A-d
xóm Khánh Thịnh	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 48' 45"	105° 42' 08"					E-48-32-A-d
xóm Khánh Tiến	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 48' 28"	105° 41' 58"					E-48-32-A-d
xóm Khánh Trung	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 48' 38"	105° 42' 16"					E-48-32-A-d
xóm Long Chùa	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 47' 40"	105° 41' 25"					E-48-32-A-d
xóm Long Đông	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 48' 03"	105° 41' 16"					E-48-32-A-d
xóm Long Đồng	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 47' 50"	105° 41' 19"					E-48-32-A-d
xóm Long Nam	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 47' 57"	105° 41' 21"					E-48-32-A-d
xóm Long Tân	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 47' 34"	105° 41' 37"					E-48-32-A-d
xóm Long Thi	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 47' 26"	105° 41' 28"					E-48-32-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Long Xuân	DC	xã Nghi Khánh	H. Nghi Lộc	18° 47' 54"	105° 41' 39"					E-48-32-A-d
xóm 1A	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 49' 35"	105° 30' 37"					E-48-32-A-c
xóm 1B	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 50' 10"	105° 30' 39"					E-48-32-A-c
xóm 2	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 49' 41"	105° 30' 17"					E-48-32-A-c
xóm 3	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 49' 46"	105° 30' 04"					E-48-32-A-c
xóm 4	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 50' 20"	105° 30' 22"					E-48-32-A-c
xóm 5	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 50' 55"	105° 29' 51"					E-48-31-B-d
xóm 6	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 50' 36"	105° 29' 43"					E-48-31-B-d
xóm 7	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 50' 37"	105° 29' 30"					E-48-31-B-d
xóm 8	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 50' 24"	105° 29' 16"					E-48-31-B-d
xóm 9	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 50' 02"	105° 29' 12"					E-48-31-B-d
xóm 10A	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 49' 55"	105° 29' 26"					E-48-31-B-d
xóm 10B	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 49' 48"	105° 29' 40"					E-48-31-B-d
xóm 11	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 18"	105° 30' 28"					E-48-32-A-c
xóm 12A	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 34"	105° 30' 06"					E-48-32-A-c
xóm 12B	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 30"	105° 29' 52"					E-48-31-B-d
xóm 13A	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 56"	105° 30' 08"					E-48-32-A-c
xóm 13A	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 35"	105° 30' 07"					E-48-32-A-c
xóm 13B	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 55"	105° 29' 44"					E-48-31-B-d
xóm 14A	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 35"	105° 29' 22"					E-48-31-B-d
xóm 14B	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 51"	105° 29' 06"					E-48-31-B-d
xóm 15A	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 35"	105° 29' 02"					E-48-31-B-d
xóm 15B	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 38"	105° 28' 49"					E-48-31-B-d
xóm 16	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 47"	105° 28' 45"					E-48-31-B-d
xóm 17	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 13"	105° 28' 56"					E-48-31-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 18	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 47' 57"	105° 28' 42"					E-48-31-B-d
xóm 19	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 31"	105° 28' 18"					E-48-31-B-d
xóm 20	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 48"	105° 28' 14"					E-48-31-B-d
xóm 21	DC	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 49' 11"	105° 28' 17"					E-48-31-B-d
sông Bàn Thẳn	TV	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc			18° 49' 36"	105° 27' 12"	18° 48' 38"	105° 31' 04"	E-48-31-B-d, E-48-32-A-c
đập Đường Trẹ	TV	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 47' 38"	105° 28' 06"					E-48-31-B-d
đập Khe Làng	TV	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 18"	105° 29' 30"					E-48-31-B-d
đập Khe Nu	TV	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 50' 38"	105° 30' 13"					E-48-32-A-c
Núi Tướng	SV	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 48' 16"	105° 30' 07"					E-48-32-A-c
Núi Voi	SV	xã Nghi Kiều	H. Nghi Lộc	18° 41' 09"	105° 28' 53"					E-48-31-D
xóm 1	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 35"	105° 30' 51"					E-48-32-A-c
xóm 2	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 50' 04"	105° 31' 00"					E-48-32-A-c
xóm 3	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 52"	18° 50' 04"					E-48-32-A-c
xóm 4	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 54"	105° 32' 05"					E-48-32-A-c
xóm 5	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 43"	105° 32' 20"					E-48-32-A-c
xóm 6	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 14"	105° 31' 40"					E-48-32-A-c
xóm 8	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 05"	105° 31' 42"					E-48-32-A-c
xóm 9	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 10"	105° 31' 55"					E-48-32-A-c
xóm 10	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 48' 49"	105° 31' 55"					E-48-32-A-c
xóm 11	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 01"	105° 32' 05"					E-48-32-A-c
xóm 12	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 12"	105° 32' 11"					E-48-32-A-c
xóm 13	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 18"	105° 32' 01"					E-48-32-A-c
xóm 14	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 05"	105° 32' 13"					E-48-32-A-c
xóm 15	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 28"	105° 32' 48"					E-48-32-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 16	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 49' 08"	105° 32' 31"					E-48-32-A-c
xóm 17	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 48' 03"	105° 32' 12"					E-48-32-A-c
xóm 18	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 47' 57"	105° 31' 50"					E-48-32-A-c
xóm 19	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 48' 04"	105° 31' 16"					E-48-32-A-c
xóm 20	DC	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 48' 17"	105° 31' 07"					E-48-32-A-c
đường tỉnh 534	KX	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"	E-48-32-A-c
Núi Dài	SV	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 47' 43"	105° 31' 17"					E-48-32-A-c
núi Đại Vạc	SV	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 51' 36"	105° 33' 09"					E-48-32-A-c
hồ Khe Gỗ	TV	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc	18° 50' 19"	105° 32' 13"					E-48-32-A-c
sông Tân Giai	TV	xã Nghi Lâm	H. Nghi Lộc			18° 49' 36"	105° 27' 12"	18° 48' 38"	105° 31' 04"	E-48-32-A-c
quốc lộ 1	KX	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-A-d
xóm 1	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 50' 14"	105° 38' 59"					E-48-32-A-d
xóm 2	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 49' 12"	105° 38' 54"					E-48-32-A-d
xóm 3	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 48' 44"	105° 39' 19"					E-48-32-A-d
xóm 4	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 48' 47"	105° 39' 22"					E-48-32-A-d
xóm 5	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 48' 41"	105° 39' 23"					E-48-32-A-d
xóm 6	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 48' 42"	105° 39' 02"					E-48-32-A-d
xóm 7	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 48' 09"	105° 39' 18"					E-48-32-A-d
xóm 8	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 48' 08"	105° 39' 33"					E-48-32-A-d
xóm 9	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 48' 25"	105° 39' 38"					E-48-32-A-d
xóm 10	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 48' 29"	105° 39' 33"					E-48-32-A-d
xóm 11	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 48' 20"	105° 39' 32"					E-48-32-A-d
xóm 12	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 48' 04"	105° 39' 15"					E-48-32-A-d
xóm 13	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 47' 51"	105° 39' 26"					E-48-32-A-d
xóm 14	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 47' 46"	105° 38' 49"					E-48-32-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 15	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 47' 30"	105° 39' 18"					E-48-32-A-d
xóm 16	DC	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc	18° 47' 25"	105° 39' 08"					E-48-32-A-d
Sông Cấm	TV	xã Nghi Long	H. Nghi Lộc			18° 50' 52"	105° 38' 52"	18° 50' 00"	105° 42' 57"	E-48-32-A-d
xóm 1	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 49' 08"	105° 32' 55"					E-48-32-A-c
xóm 2	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 48' 57"	105° 32' 53"					E-48-32-A-c
xóm 3	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 48' 55"	105° 33' 06"					E-48-32-A-c
xóm 4	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 48' 40"	105° 33' 29"					E-48-32-A-c
xóm 5	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 48' 34"	105° 33' 44"					E-48-32-A-c
xóm 6	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 49' 01"	105° 33' 20"					E-48-32-A-c
xóm 7	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 48' 27"	105° 34' 05"					E-48-32-A-c
xóm 8	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 48' 35"	105° 34' 15"					E-48-32-A-c
xóm 9	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 48' 05"	105° 34' 41"					E-48-32-A-c
xóm 10	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 49' 13"	105° 33' 39"					E-48-32-A-c
xóm 11	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 49' 12"	105° 33' 21"					E-48-32-A-c
xóm 12	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 49' 17"	105° 33' 15"					E-48-32-A-c
xóm 13	DC	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 49' 22"	105° 33' 01"					E-48-32-A-c
đường tỉnh 534	KX	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"	E-48-32-A-c
Núi Chờ	SV	xã Nghi Mỹ	H. Nghi Lộc	18° 49' 02"	105° 35' 36"					E-48-32-A-c
xóm 1	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 45' 28"	105° 42' 05"					E-48-32-A-d
xóm 2	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 45' 46"	105° 41' 50"					E-48-32-A-d
xóm 3	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 45' 36"	105° 41' 34"					E-48-32-A-d
xóm 4	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 45' 18"	105° 41' 47"					E-48-32-A-d
xóm 5	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 45' 01"	105° 41' 54"					E-48-32-C-b
xóm 6	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 44' 33"	105° 41' 56"					E-48-32-C-b
xóm 7	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 44' 53"	105° 42' 08"					E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 8	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 44' 55"	105° 42' 38"					E-48-32-C-b
xóm 9	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 44' 41"	105° 42' 27"					E-48-32-C-b
xóm 10	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 44' 07"	105° 42' 24"					E-48-32-C-b
xóm 11	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 44' 10"	105° 42' 47"					E-48-32-C-b
xóm 12	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 44' 24"	105° 43' 09"					E-48-32-C-b
xóm 13	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 44' 17"	105° 43' 05"					E-48-32-C-b
xóm 14	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 44' 13"	105° 43' 09"					E-48-32-C-b
xóm 15	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 43' 50"	105° 43' 07"					E-48-32-C-b
xóm 16	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 43' 49"	105° 42' 58"					E-48-32-C-b
xóm 17	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 43' 57"	105° 42' 34"					E-48-32-C-b
xóm 18	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 44' 06"	105° 42' 10"					E-48-32-C-b
xóm 19	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 43' 43"	105° 42' 10"					E-48-32-C-b
xóm 20	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 43' 49"	105° 42' 47"					E-48-32-C-b
xóm 21	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 43' 31"	105° 42' 26"					E-48-32-C-b
xóm 22	DC	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc	18° 43' 06"	105° 42' 38"					E-48-32-C-b
quốc lộ 46	KX	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-A-d
đường tỉnh 535	KX	xã Nghi Phong	H. Nghi Lộc			18° 39' 59"	105° 41' 16"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-b
xóm 1	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 48' 40"	105° 36' 45"					E-48-32-A-c
xóm 2	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 48' 23"	105° 36' 41"					E-48-32-A-c
xóm 3	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 48' 39"	105° 36' 20"					E-48-32-A-c
xóm 4	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 48' 24"	105° 36' 07"					E-48-32-A-c
xóm 5	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 48' 56"	105° 35' 50"					E-48-32-A-c
xóm 6	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 48' 35"	105° 35' 46"					E-48-32-A-c
xóm 7	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 48' 54"	105° 35' 28"					E-48-32-A-c
xóm 8	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 48' 42"	105° 35' 05"					E-48-32-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 9	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 49' 06"	105° 35' 11"					E-48-32-A-c
xóm 10	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 49' 15"	105° 33' 50"					E-48-32-A-c
xóm 11	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 49' 21"	105° 33' 53"					E-48-32-A-c
xóm 12	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 49' 31"	105° 33' 58"					E-48-32-A-c
xóm 13	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 49' 36"	105° 34' 06"					E-48-32-A-c
xóm 14	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 49' 45"	105° 34' 07"					E-48-32-A-c
xóm 15	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 50' 01"	105° 34' 03"					E-48-32-A-c
xóm 16	DC	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 50' 11"	105° 34' 30"					E-48-32-A-c
đường tỉnh 534	KX	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"	E-48-32-A-c
Sông Cấm	TV	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc			18° 50' 52"	105° 38' 52"	18° 50' 00"	105° 42' 57"	E-48-32-A-c, E-48-32-A-d,
Núi Chờ	SV	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 49' 02"	105° 35' 36"					E-48-32-A-c
Núi Khê	SV	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 49' 00"	105° 36' 43"					E-48-32-A-c
cầu Phương Tích	KX	xã Nghi Phương	H. Nghi Lộc	18° 48' 29"	105° 36' 46"					E-48-32-A-c
quốc lộ 1	KX	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-A-d
đường tỉnh 536	KX	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc			18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"	E-48-32-A-d
xóm Bắc Sơn 1	DC	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc	18° 50' 25"	105° 40' 00"					E-48-32-A-d
xóm Bắc Sơn 2	DC	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc	18° 50' 37"	105° 41' 05"					E-48-32-A-d
Cầu Cấm	KX	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc	18° 51' 02"	105° 39' 01"					E-48-32-A-d
Sông Cấm	TV	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc			18° 50' 52"	105° 38' 52"	18° 50' 00"	105° 42' 57"	E-48-32-A-d
cầu Nghi Xá	KX	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc	18° 49' 25"	105° 41' 08"					E-48-32-A-d
hồ Sâu Lầy	TV	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc	18° 50' 13"	105° 40' 46"					E-48-32-A-d
xóm Tân Lập 2	DC	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc	18° 50' 37"	105° 41' 05"					E-48-32-A-d
xóm Tân Lập 1	DC	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc	18° 50' 22"	105° 41' 10"					E-48-32-A-d
xóm Thành Vinh 1	DC	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc	18° 49' 35"	105° 41' 06"					E-48-32-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Thành Vinh 2	DC	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc	18° 49' 42"	105° 41'13"					E-48-32-A-d
xóm Trung Tiến	DC	xã Nghi Quang	H. Nghi Lộc	18° 49' 41"	105° 41' 01"					E-48-32-A-d
quốc lộ 46	KX	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-A-d
đường tỉnh 534	KX	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"	E-48-32-A-d
xóm Bắc Thạch	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 46' 04"	105° 42' 26"					E-48-32-A-d
xóm Đại Cừ	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 46' 15"	105° 43' 05"					E-48-32-A-d
xóm Đông Thạch	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 46' 06"	105° 42' 52"					E-48-32-A-d
xóm Nam Thạch	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 45' 55"	105° 42' 36"					E-48-32-A-d
cầu Nha La	KX	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 47' 18"	105° 41' 33"					E-48-32-A-d
xóm Tây Thạch	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 45' 59"	105° 42' 17"					E-48-32-A-d
xóm Trung Khánh	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 46' 35"	105° 42' 43"					E-48-32-A-d
xóm Xuân Hoa	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 47' 05"	105° 41' 54"					E-48-32-A-d
xóm Xuân Hòa	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 46' 24"	105° 41' 51"					E-48-32-A-d
xóm Xuân Lạc	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 47' 10"	105° 41' 41"					E-48-32-A-d
xóm Xuân Phúc	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 46' 46"	105° 42' 02"					E-48-32-A-d
xóm Xuân Sơn	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 47' 29"	105° 41' 49"					E-48-32-A-d
xóm Xuân Thịnh	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 47' 01"	105° 41' 56"					E-48-32-A-d
xóm Xuân Tiến	DC	xã Nghi Thạch	H. Nghi Lộc	18° 47' 14"	105° 41' 59"					E-48-32-A-d
đường tỉnh 535	KX	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc			18° 39' 59"	105° 41' 16"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-b
đường tỉnh 542	KX	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-b
sông Rào Đồng	TV	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc			18° 41' 55"	105° 43' 31"	18° 42' 50"	105° 44' 57"	E-48-32-C-b
xóm Thái Bình	DC	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc	18° 42' 30"	105° 44' 05"					E-48-32-C-b
xóm Thái Cát	DC	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc	18° 42' 23"	105° 44' 30"					E-48-32-C-b
xóm Thái Hòa	DC	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc	18° 43' 05"	105° 43' 22"					E-48-32-C-b
xóm Thái Học	DC	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc	18° 42' 35"	105° 44' 30"					E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Thái Hưng	DC	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc	18° 42' 16"	105° 43' 55"					E-48-32-C-b
xóm Thái Lộc	DC	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc	18° 42' 28"	105° 43' 44"					E-48-32-C-b
xóm Thái Phúc	DC	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc	18° 42' 54"	105° 43' 43"					E-48-32-C-b
xóm Thái Quang	DC	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc	18° 42' 30"	105° 44' 19"					E-48-32-C-b
xóm Thái Sơn	DC	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc	18° 42' 33"	105° 43' 24"					E-48-32-C-b
xóm Thái Thịnh	DC	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc	18° 43' 11"	105° 43' 01"					E-48-32-C-b
xóm Thái Thọ	DC	xã Nghi Thái	H. Nghi Lộc	18° 42' 56"	105° 43' 00"					E-48-32-C-b
xóm Bắc Thịnh	DC	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 51' 13"	105° 42' 06"					E-48-32-A-d
Xóm Bắn	DC	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 50' 14"	105° 42' 16"					E-48-32-A-d
xóm Chùa 1	DC	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 50' 20"	105° 42' 03"					E-48-32-A-d
xóm Chùa 2	DC	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 50' 15"	105° 41' 46"					E-48-32-A-d
cảng Cửa Lò	KX	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 49' 47"	105° 42' 21"					E-48-32-A-d
sông Cửa Lò	TV	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc			18° 50' 52"	105° 38' 52"	18° 50' 00"	105° 42' 57"	E-48-32-A-d
Xóm Đình	DC	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 50' 17"	105° 42' 05"					E-48-32-A-d
Xóm Đông	DC	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 50' 27"	105° 41' 46"					E-48-32-A-d
Mũi Gà	TV	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 50' 55"	105° 43' 08"					E-48-32-A-d
Núi Giun	SV	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 51' 37"	105° 41' 47"					E-48-32-A-d
Cửa Lò	TV	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 50' 01"	105° 43' 02"					E-48-32-A-d
Cồn Lộng	TV	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 49' 59"	105° 43' 29"					E-48-32-A-d
Xóm Mới	DC	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 50' 41"	105° 41' 58"					E-48-32-A-d
xóm Nam Thịnh	DC	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 51' 08"	105° 42' 10"					E-48-32-A-d
Mũi Rồng	TV	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 50' 09"	105° 43' 05"					E-48-32-A-d
Núi Rồng	SV	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	19° 06' 33"	105° 43' 42"					E-48-20-C-d
Xóm Rồng	DC	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 50' 09"	105° 42' 15"					E-48-32-A-d
xóm Tân Long	DC	xã Nghi Thiết	H. Nghi Lộc	18° 50' 18"	105° 42' 28"					E-48-32-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 1	DC	xã Nghi Thịnh	H. Nghi Lộc	18° 47' 44"	105° 41' 08"					E-48-32-A-d
xóm 2	DC	xã Nghi Thịnh	H. Nghi Lộc	18° 47' 24"	105° 41' 09"					E-48-32-A-d
xóm 3	DC	xã Nghi Thịnh	H. Nghi Lộc	18° 47' 22"	105° 40' 56"					E-48-32-A-d
xóm 4	DC	xã Nghi Thịnh	H. Nghi Lộc	18° 47' 12"	105° 40' 56"					E-48-32-A-d
xóm 5	DC	xã Nghi Thịnh	H. Nghi Lộc	18° 47' 05"	105° 40' 57"					E-48-32-A-d
xóm 6	DC	xã Nghi Thịnh	H. Nghi Lộc	18° 47' 22"	105° 40' 43"					E-48-32-A-d
xóm 7	DC	xã Nghi Thịnh	H. Nghi Lộc	18° 47' 15"	105° 40' 19"					E-48-32-A-d
xóm 8	DC	xã Nghi Thịnh	H. Nghi Lộc	18° 47' 18"	105° 39' 53"					E-48-32-A-d
xóm 9	DC	xã Nghi Thịnh	H. Nghi Lộc	18° 47' 57"	105° 39' 49"					E-48-32-A-d
xóm 10	DC	xã Nghi Thịnh	H. Nghi Lộc	18° 47' 53"	105° 40' 01"					E-48-32-A-d
xóm 11	DC	xã Nghi Thịnh	H. Nghi Lộc	18° 48' 02"	105° 40' 26"					E-48-32-A-d
xóm 12	DC	xã Nghi Thịnh	H. Nghi Lộc	18° 48' 21"	105° 40' 30"					E-48-32-A-d
xóm 13	DC	xã Nghi Thịnh	H. Nghi Lộc	18° 48' 05"	105° 40' 36"					E-48-32-A-d
xóm 14	DC	xã Nghi Thịnh	H. Nghi Lộc	18° 47' 49"	105° 40' 33"					E-48-32-A-d
xóm 15	DC	xã Nghi Thịnh	H. Nghi Lộc	18° 47' 40"	105° 40' 25"					E-48-32-A-d
đường tỉnh 534	KX	xã Nghi Thịnh	H. Nghi Lộc			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"	E-48-32-A-d
cầu Phòng Không	KX	xã Nghi Thịnh	H. Nghi Lộc	18° 47' 17"	105° 41' 05"					E-48-32-A-d
quốc lộ 1	KX	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-A-d
xóm 1	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 50' 05"	105° 38' 23"					E-48-32-A-d
xóm 2	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 49' 49"	105° 38' 22"					E-48-32-A-d
xóm 3	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 49' 36"	105° 38' 19"					E-48-32-A-d
xóm 4	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 49' 24"	105° 38' 15"					E-48-32-A-d
xóm 5	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 49' 20"	105° 38' 16"					E-48-32-A-d
xóm 6	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 49' 16"	105° 38' 13"					E-48-32-A-d
xóm 7	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 49' 04"	105° 37' 34"					E-48-32-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 8	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 49' 08"	105° 37' 37"					E-48-32-A-d
xóm 9	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 48' 57"	105° 37' 49"					E-48-32-A-d
xóm 10	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 48' 54"	105° 37' 45"					E-48-32-A-d
xóm 11	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 48' 35"	105° 38' 01"					E-48-32-A-d
xóm 12	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 48' 15"	105° 38' 35"					E-48-32-A-d
xóm 13	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 48' 11"	105° 38' 32"					E-48-32-A-d
xóm 14	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 48' 23"	105° 38' 36"					E-48-32-A-d
xóm 15	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 48' 29"	105° 38' 36"					E-48-32-A-d
xóm 16	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 48' 12"	105° 38' 48"					E-48-32-A-d
xóm 17	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 48' 05"	105° 38' 54"					E-48-32-A-d
Sông Cấm	TV	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc			18° 50' 52"	105° 38' 52"	18° 50' 00"	105° 42' 57"	E-48-32-A-c, E-48-32-A-d
xóm Nhân Hòa	DC	xã Nghi Thuận	H. Nghi Lộc	18° 49' 00"	105° 37' 42"					E-48-32-A-d
xóm 1	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 52' 34"	105° 40' 24"					E-48-32-A-d
xóm 2	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 52' 27"	105° 40' 24"					E-48-32-A-d
xóm 3	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 52' 23"	105° 40' 30"					E-48-32-A-d
xóm 4	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 52' 07"	105° 40' 29"					E-48-32-A-d
xóm 5	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 52' 23"	105° 40' 45"					E-48-32-A-d
xóm 6	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 52' 05"	105° 40' 48"					E-48-32-A-d
xóm 7	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 52' 03"	105° 41' 20"					E-48-32-A-d
xóm 8	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	105° 41' 13"	105° 41' 13"					E-48-32-A-d
xóm 9	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 51' 51"	105° 41' 26"					E-48-32-A-d
xóm 10	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 51' 40"	105° 41' 34"					E-48-32-A-d
xóm 11	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 51' 33"	105° 41' 21"					E-48-32-A-d
xóm 12	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 51' 17"	105° 41' 38"					E-48-32-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 13	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 51' 08"	105° 41' 21"					E-48-32-A-d
xóm 14	DC	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 51' 27"	105° 40' 32"					E-48-32-A-d
động Ba Vùng	SV	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 51' 50"	105° 39' 04"					E-48-32-A-d
Núi Dẻ	SV	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 36' 06"	105° 32' 36"					E-48-32-C-c
Núi Giun	SV	xã Nghi Tiến	H. Nghi Lộc	18° 51' 37"	105° 41' 47"					E-48-32-A-d
quốc lộ 1	KX	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-A-d
xóm 4	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 46' 04"	105° 38' 33"					E-48-32-A-d
xóm 5	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 46' 02"	105° 38' 30"					E-48-32-A-d
xóm 6	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 45' 42"	105° 38' 41"					E-48-32-A-d
xóm 7	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 46' 07"	105° 39' 13"					E-48-32-A-d
xóm 8	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 46' 26"	105° 39' 21"					E-48-32-A-d
xóm 9	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 46' 30"	105° 39' 09"					E-48-32-A-d
xóm 10	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 46' 22"	105° 38' 51"					E-48-32-A-d
xóm 11	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 46' 50"	105° 38' 57"					E-48-32-A-d
xóm 12	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 47' 00"	105° 38' 59"					E-48-32-A-d
xóm 13	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 47' 07"	105° 39' 08"					E-48-32-A-d
xóm 14	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 47' 19"	105° 39' 22"					E-48-32-A-d
xóm 15	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 47' 24"	105° 39' 45"					E-48-32-A-d
xóm 17	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 46' 56"	105° 39' 23"					E-48-32-A-d
xóm 18	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 46' 37"	105° 39' 24"					E-48-32-A-d
xóm 19	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 46' 08"	105° 39' 42"					E-48-32-A-d
xóm 20	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 45' 55"	105° 39' 43"					E-48-32-A-d
xóm 21	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 45' 50"	105° 39' 57"					E-48-32-A-d
xóm 22	DC	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 46' 00"	105° 38' 52"					E-48-32-A-d
đường tỉnh 534	KX	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"	E-48-32-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Cầu Nhọn	KX	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 47' 03"	105° 39' 36"					E-48-32-A-d
ga Quán Hành	KX	xã Nghi Trung	H. Nghi Lộc	18° 47' 05"	105° 38' 44"					E-48-32-A-d
xóm 1	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 50"	105° 39' 59"					E-48-32-A-d
xóm 2	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 52"	105° 40' 10"					E-48-32-A-d
xóm 3	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 40"	105° 40' 14"					E-48-32-A-d
xóm 4	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 34"	105° 40' 05"					E-48-32-A-d
xóm 5	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 31"	105° 39' 54"					E-48-32-A-d
xóm 6	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 21"	105° 40' 16"					E-48-32-A-d
xóm 7	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 45' 29"	105° 40' 24"					E-48-32-A-d
xóm 8	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 45' 39"	105° 40' 35"					E-48-32-A-d
xóm 9	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 00"	105° 40' 33"					E-48-32-A-d
xóm 10	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 45' 38"	105° 41' 04"					E-48-32-A-d
xóm 11	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 03"	105° 41' 07"					E-48-32-A-d
xóm 12	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 13"	105° 41' 27"					E-48-32-A-d
xóm 13	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 24"	105° 41' 30"					E-48-32-A-d
xóm 14	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 43"	105° 41' 20"					E-48-32-A-d
xóm 15	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 50"	105° 41' 14"					E-48-32-A-d
xóm 16	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 39"	105° 41' 13"					E-48-32-A-d
xóm 17	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 37"	105° 41' 05"					E-48-32-A-d
xóm 18	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 46' 14"	105° 40' 45"					E-48-32-A-d
quốc lộ 46	KX	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc			18° 36' 19"	105° 11' 23"	18° 49' 41"	105° 42' 18"	E-48-32-A-d
xóm Bệnh Viện	DC	xã Nghi Trường	H. Nghi Lộc	18° 47' 05"	105° 39' 55"					E-48-32-A-d
xóm 1	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 02"	105° 31' 11"					E-48-32-A-c
xóm 2	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 32"	105° 30' 12"					E-48-32-A-c
xóm 3	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 16"	105° 29' 59"					E-48-32-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 4	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 52' 21"	105° 30' 39"					E-48-32-A-c
xóm 5A	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 52' 05"	105° 30' 17"					E-48-32-A-c
xóm 5B	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 52' 22"	105° 30' 22"					E-48-32-A-a
xóm 6	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 52' 02"	105° 30' 08"					E-48-32-A-c
xóm 7	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 58"	105° 29' 50"					E-48-31-B-d
xóm 8 + 9	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 51"	105° 29' 44"					E-48-31-B-d
xóm 10	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 57"	105° 29' 29"					E-48-31-B-d
xóm 11 + 12	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 46"	105° 29' 22"					E-48-31-B-d
xóm 13	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 43"	105° 28' 52"					E-48-31-B-d
xóm 14	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 53"	105° 28' 59"					E-48-31-B-d
xóm 15	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 31"	105° 28' 45"					E-48-31-B-d
xóm 16	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 52' 06"	105° 28' 43"					E-48-32-A-a
xóm 17	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 52' 59"	105° 29' 13"					E-48-32-A-a
xóm 18	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 52' 58"	105° 29' 25"					E-48-31-B-b
xóm 19 + 20	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 53' 21"	105° 29' 54"					E-48-31-B-b
xóm 21	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 53' 24"	105° 30' 28"					E-48-32-A-a
xóm 22	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 58"	105° 31' 08"					E-48-32-A-a
xóm 23	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 53' 05"	105° 31' 04"					E-48-32-A-a
xóm 24	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 07"	105° 29' 09"					E-48-32-A-a
xóm 25	DC	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 52' 32"	105° 30' 51"					E-48-32-A-c
đường tỉnh 534	KX	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc			18° 47' 55"	105° 43' 41"	18° 59' 59"	105° 28' 38"	E-48-31-B-d, E-48-32-A-c
sông Bao A	TV	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc			18° 51' 09"	105° 28' 38"	18° 50' 32"	105° 24' 20"	E-48-31-B-d
Đập Bười	TV	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 52' 24"	105° 31' 44"					E-48-32-A-c
núi Động Rẩy	SV	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 53' 45"	105° 29' 48"					E-48-31-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Động Ru	SV	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 53' 26"	105° 31' 46"					E-48-32-A-a
hồ Khe Bưởi	TV	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 52' 11"	105° 31' 54"					E-48-32-A-c
đập Khe Lách	TV	xã Nghi Văn	H. Nghi Lộc	18° 51' 23"	105° 31' 31"					E-48-32-A-c
kênh 17	TV	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc			18° 45' 34"	105° 37' 10"	18° 42' 27"	105° 38' 07"	E-48-32-A-c
Núi Bạc	SV	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 53' 46"	105° 35' 37"					E-48-32-A-c
xóm Bắc Bố Sơn	DC	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 45' 01"	105° 37' 27"					E-48-32-C-a
xóm Bắc Kỳ La	DC	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 44' 33"	105° 37' 25"					E-48-32-C-a
xóm Bắc Sơn	DC	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 45' 20"	105° 37' 36"					E-48-32-C-a
Sông Đào	TV	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc			18° 45' 12"	105° 36' 44"	18° 41' 52"	105° 29' 35"	E-48-32-C-a
xóm Đông Vạn	DC	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 44' 48"	105° 37' 00"					E-48-32-C-a
Xóm Làng	DC	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 44' 04"	105° 37' 32"					E-48-32-C-a
xóm Lương Đống	DC	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 44' 53"	105° 38' 29"					E-48-32-C-a
xóm Lương Sơn	DC	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 44' 46"	105° 38' 22"					E-48-32-C-b
xóm Nam Bố Sơn	DC	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 44' 41"	105° 37' 26"					E-48-32-C-a
xóm Nam Kỳ La	DC	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 44' 17"	105° 37' 27"					E-48-32-C-a
xóm Phúc Sơn	DC	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 45' 11"	105° 37' 38"					E-48-32-A-d
sông Phương Tích	TV	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc			18° 47' 43"	105° 36' 46"	18° 45' 11"	105° 36' 44"	E-48-32-A-c
xóm Tân Sơn	DC	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 45' 10"	105° 38' 13"					E-48-32-A-d
xóm Tây Vạn	DC	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 44' 43"	105° 36' 54"					E-48-32-C-a
xóm Thịnh Lạc	DC	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 45' 32"	105° 37' 28"					E-48-32-C-a
xóm Thọ Sơn	DC	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 45' 17"	105° 38' 22"					E-48-32-A-d
xóm Viện Lao	DC	xã Nghi Vạn	H. Nghi Lộc	18° 45' 02"	105° 38' 26"					E-48-32-C-a
xóm 1	DC	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc	18° 48' 28"	105° 40' 16"					E-48-32-A-d
xóm 2	DC	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc	18° 48' 35"	105° 40' 20"					E-48-32-A-d
xóm 3	DC	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc	18° 48' 47"	105° 40' 27"					E-48-32-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 4	DC	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc	18° 48' 56"	105° 40' 38"					E-48-32-A-d
xóm 5	DC	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc	18° 49' 10"	105° 40' 35"					E-48-32-A-d
xóm 6	DC	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc	18° 48' 57"	105° 40' 20"					E-48-32-A-d
xóm 7	DC	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc	18° 48' 44"	105° 40' 12"					E-48-32-A-d
xóm 8	DC	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc	18° 49' 11"	105° 39' 42"					E-48-32-A-d
xóm 9	DC	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc	18° 49' 21"	105° 39' 44"					E-48-32-A-d
xóm 10	DC	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc	18° 48' 33"	105° 39' 57"					E-48-32-A-d
xóm 11	DC	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc	18° 49' 59"	105° 39' 41"					E-48-32-A-d
đường tỉnh 536	KX	xã Nghi Xá	H. Nghi Lộc			18° 54' 45"	105° 15' 14"	18° 38' 32"	105° 30' 37"	E-48-32-A-d
đường tỉnh 535	KX	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc			18° 39' 59"	105° 41' 16"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-C-b, E-48-32-A-d
Sông Lam	TV	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-b
xóm Lộc Mỹ	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 44' 57"	105° 43' 42"					E-48-32-C-b
xóm Phong Hồ	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 45' 08"	105° 43' 30"					E-48-32-A-d
xóm Tân Nghĩa	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 44' 33"	105° 43' 33"					E-48-32-C-b
xóm Tiên Lạc	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 45' 34"	105° 43' 05"					E-48-32-A-d
xóm Xuân Cảnh	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 44' 47"	105° 43' 58"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Dương	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 44' 14"	105° 44' 10"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Giang	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 44' 26"	105° 44' 03"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Khánh	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 45' 01"	105° 43' 57"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Lan	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 44' 36"	105° 43' 58"					E-48-32-A-d
xóm Xuân Lộc	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 44' 29"	105° 43' 50"					E-48-32-C-b
xóm Xuân Phúc	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 45' 18"	105° 43' 08"					E-48-32-A-d
xóm Xuân Sơn	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 45' 10"	105° 43' 25"					E-48-32-A-d
xóm Xuân Tân	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 44' 08"	105° 43' 52"					E-48-32-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Xuân Tình	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 45' 39"	105° 42' 44"					E-48-32-A-d
xóm Xuân Trang	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 44' 58"	105° 43' 52"					E-48-32-A-d
xóm Yên Thịnh	DC	xã Nghi Xuân	H. Nghi Lộc	18° 45' 27"	105° 43' 39"					E-48-32-A-d
quốc lộ 1	KX	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc			19° 18' 42"	105° 43' 15"	18° 38' 51"	105° 42' 24"	E-48-32-A-a, E-48-32-A-c, E-48-32-A-d
xóm 1	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 51' 33"	105° 39' 33"					E-48-32-A-d
xóm 2	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 51' 36"	105° 39' 22"					E-48-32-A-d
xóm 3	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 51' 40"	105° 39' 10"					E-48-32-A-d
xóm 4	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 50' 38"	105° 38' 54"					E-48-32-A-d
động Ba Vùng	SV	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 51' 50"	105° 39' 04"					E-48-32-A-d
xóm Bắc Sơn	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 53' 05"	105° 38' 44"					E-48-32-A-b
Cầu Cấm	KX	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 51' 02"	105° 39' 01"					E-48-32-A-d
Sông Cấm	TV	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc			18° 50' 52"	105° 38' 52"	18° 50' 00"	105° 42' 57"	E-48-32-A-d
Xóm Chùa	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 53' 02"	105° 39' 11"					E-48-32-A-b
sông Cửa Lò	TV	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc			18° 50' 52"	105° 38' 52"	18° 50' 00"	105° 42' 57"	E-48-32-A-d
xóm Cửa Mỏ	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 51' 58"	105° 38' 05"					E-48-32-A-d
Xóm Đình	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 52' 53"	105° 38' 42"					E-48-32-A-b
xóm Đông Sơn	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 53' 02"	105° 38' 56"					E-48-32-A-b
Xóm Gốm	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 52' 40"	105° 37' 59"					E-48-32-A-b
Xóm Lài	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 52' 54"	105° 38' 20"					E-48-32-A-b
sông Nhà Lê	TV	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc			19° 03' 52"	105° 37' 18"	19° 06' 11"	105° 39' 43"	E-48-20-C-c
xóm Tân Sơn	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 52' 11"	105° 38' 10"					E-48-32-A-d
xóm Tây Sơn	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 52' 19"	105° 37' 16"					E-48-32-A-d
xóm Tiền Phong	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 52' 30"	105° 37' 27"					E-48-32-A-a
xóm Trung Sơn	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 52' 47"	105° 38' 56"					E-48-32-A-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Trường Sơn	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 53' 00"	105° 38' 50"					E-48-32-A-b
xóm Tùng Sơn	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 53' 18"	105° 38' 23"					E-48-32-A-b
xóm Yên Lưu	DC	xã Nghi Yên	H. Nghi Lộc	18° 52' 58"	105° 38' 59"					E-48-32-A-b
xóm 1	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 44' 04"	105° 43' 59"					E-48-32-C-b
xóm 2	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 57"	105° 43' 43"					E-48-32-C-b
xóm 3	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 41"	105° 43' 44"					E-48-32-C-b
xóm 4	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 24"	105° 43' 57"					E-48-32-C-b
xóm 5	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 50"	105° 43' 22"					E-48-32-C-b
xóm 6	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 39"	105° 44' 29"					E-48-32-C-b
xóm 7	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 19"	105° 44' 23"					E-48-32-C-b
xóm 8	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 05"	105° 43' 56"					E-48-32-C-b
xóm 9	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 19"	105° 43' 39"					E-48-32-C-b
xóm 10	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 09"	105° 44' 00"					E-48-32-C-b
xóm 11	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 10"	105° 44' 17"					E-48-32-C-b
xóm 12	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 42' 55"	105° 44' 26"					E-48-32-C-b
xóm 13	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 04"	105° 44' 31"					E-48-32-C-b
xóm 15	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 13"	105° 44' 33"					E-48-32-C-b
xóm 16	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 09"	105° 44' 43"					E-48-32-C-b
xóm 17	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 42' 50"	105° 44' 49"					E-48-32-C-b
đường tỉnh 542	KX	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc			18° 41' 55"	105° 29' 50"	18° 46' 13"	105° 45' 02"	E-48-32-A-d
xóm Bình Minh	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 43' 23"	105° 44' 39"					E-48-32-C-b
Sông Lam	TV	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc			19° 26' 44"	104° 35' 28"	18° 45' 52"	105° 45' 45"	E-48-32-C-b, E-48-32-D-a
xóm Ngư Phong	DC	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc	18° 44' 05"	105° 44' 13"					E-48-32-C-b
sông Rào Đồng	TV	xã Phúc Thọ	H. Nghi Lộc			18° 41' 55"	105° 43' 31"	18° 42' 50"	105° 44' 57"	E-48-32-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
đường tỉnh 531	KX	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-D-b
Khe Nghĩa	TV	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn			19° 22' 49"	105° 31' 03"	19° 20' 59"	105° 29' 00"	E-48-20-A-a
hồ Ông Hoa	TV	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 45"	105° 27' 56"					E-48-19-B-d
hồ Ông Ký	TV	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 26"	105° 27' 46"					E-48-19-B-d
Sông Sào	TV	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn			19° 28' 00"	105° 28' 33"	19° 19' 56"	105° 25' 33"	E-48-19-B-d
khối Tân An	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 07"	105° 29' 04"					E-48-19-B-d
khối Tân Cường	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 27"	105° 29' 31"					E-48-19-B-d
khối Tân Đồng	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 47"	105° 29' 36"					E-48-19-B-d
khối Tân Đức	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 33"	105° 29' 15"					E-48-19-B-d
khối Tân Hiếu	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 31"	105° 29' 30"					E-48-19-B-d
khối Tân Hòa	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 16"	105° 29' 47"					E-48-19-B-d
khối Tân Hồng	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 55"	105° 29' 09"					E-48-19-B-d
khối Tân Lâm	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 11"	105° 28' 56"					E-48-19-B-d
khối Tân Mai	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 39"	105° 29' 28"					E-48-19-B-d
khối Tân Minh	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 17"	105° 29' 29"					E-48-19-B-d
khối Tân Thái	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 21"	105° 28' 45"					E-48-19-B-d
khối Tân Thành	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 15"	105° 29' 11"					E-48-19-B-d
khối Tân Thọ	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 47"	105° 29' 05"					E-48-19-B-d
khối Tân Tiến	DC	TT. Nghĩa Đàn	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 39"	105° 28' 40"					E-48-19-B-d
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-B-c
đường tỉnh 545	KX	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-B-d
xóm An Mỹ	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 34"	105° 23' 19"					E-48-19-B-d
xóm Cát Tâm	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 11"	105° 23' 38"					E-48-19-B-d
Sông Con	TV	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn			19° 15' 32"	105° 25' 09"	19° 02' 14"	104° 58' 20"	E-48-19-D-d, E-48-18-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Đồng Minh	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 57"	105° 23' 05"					E-48-19-D-b
hồ Đồng Ngang	TV	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 05"	105° 23' 24"					E-48-19-B-d
xóm Đồng Tâm 1	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 14"	105° 24' 31"					E-48-19-B-d
xóm Đồng Tâm 2	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 23"	105° 24' 46"					E-48-19-B-d
xóm Đồng Tiến	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 15"	105° 22' 56"					E-48-19-B-d
Hồ Gián	TV	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 16' 09"	105° 23' 29"					E-48-19-B-d
Sông Hiếu	TV	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
xóm Hữu Lập	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 39"	105° 22' 38"					E-48-19-B-d
xóm Long An	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 55"	105° 22' 40"					E-48-19-D-b
xóm Nho Hạp	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 46"	105° 23' 05"					E-48-19-B-d
xóm Nho Tân	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 28"	105° 23' 33"					E-48-19-B-d
xóm Phú Yên	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 16' 28"	105° 23' 20"					E-48-19-B-d
xóm Phúc An	DC	xã Nghĩa An	H. Nghĩa Đàn	19° 16' 03"	105° 23' 12"					E-48-19-B-d
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-D-b
xóm Bình Hải	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 13"	105° 29' 06"					E-48-19-B-d
xóm Bình Hạnh	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 20"	105° 29' 59"					E-48-20-A-c
xóm Bình Lâm	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 04"	105° 30' 20"					E-48-20-A-c
xóm Bình Nghĩa	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 03"	105° 28' 11"					E-48-19-B-d
xóm Bình Tâm	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 35"	105° 29' 30"					E-48-19-B-d
xóm Bình Thành	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 59"	105° 29' 30"					E-48-19-B-d
xóm Bình Yên	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 18"	105° 30' 42"					E-48-19-B-d
xóm Bình Thái	DC	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 03"	105° 30' 41"					E-48-19-B-d
Khe Nghĩa	TV	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn			19° 22' 49"	105° 31' 03"	19° 20' 59"	105° 29' 00"	E-48-20-A-a
hồ Ông Hoa	TV	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 45"	105° 27' 56"					E-48-19-B-d
hồ Ông Ký	TV	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 26"	105° 27' 46"					E-48-19-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Sông Sào	TV	xã Nghĩa Bình	H. Nghĩa Đàn			19° 28' 00"	105° 28' 33"	19° 19' 56"	105° 25' 33"	E-48-19-B-d
đường tỉnh 545	KX	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-D-a
Suối Da	TV	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 44"	105° 21' 18"	19° 12' 46"	105° 21' 33"	E-48-19-D-a
Khe Đá	TV	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn			19° 14' 05"	105° 20' 41"	19° 13' 44"	105° 21' 18"	E-48-19-D-a
xóm Đức Hựu	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 03"	105° 21' 08"					E-48-19-D-a
xóm Đức Lam	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 47"	105° 21' 05"					E-48-19-D-a
xóm Đức Thắng	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 57"	105° 22' 16"					E-48-19-D-a
xóm Đức Tiến	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 11"	105° 22' 07"					E-48-19-D-a
xóm Đức Tiến Tây	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 22"	105° 21' 56"					E-48-19-D-a
xóm Đức Trung	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 03"	105° 21' 30"					E-48-19-D-a
xóm Đức Xuân	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 41"	105° 21' 46"					E-48-19-D-a
xóm Hưng Minh	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 09"	105° 22' 26"					E-48-19-D-a
đập Khe Đá	TV	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 57"	105° 20' 42"					E-48-19-D-a
hồ Khe Đá	TV	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 04"	105° 20' 14"					E-48-19-D-a
Hòn Mai	SV	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 25"	105° 19' 53"					E-48-19-B-c, E-48-19C
Xóm Mít	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 35"	105° 21' 17"					E-48-19-D-a
Xóm Nung	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 20"	105° 18' 55"					E-48-19-D-a
xóm Quang Sú	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 15"	105° 20' 56"					E-48-19-D-a
Xóm Ráng	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 24"	105° 20' 18"					E-48-19-B-c
xóm Rú Ấm	DC	xã Nghĩa Đức	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 11"	105° 21' 54"					E-48-19-D-a
quốc lộ 48	KX	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-c
xóm Cát Mộng	DC	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 02"	105° 21' 26"					E-48-19-B-c
xóm Cát Sơn	DC	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn	19° 17' 57"	105° 21' 14"					E-48-19-B-c
Sông Dinh	TV	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn			19° 19' 05"	105° 09' 20"	19° 20' 58"	105° 21' 18"	E-48-19-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
suối Đồng Bầy	TV	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn			19° 18' 21"	105° 21' 08"	19° 20' 45"	105° 20' 51"	E-48-19-B-c
xóm Lê Lai	DC	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 41"	105° 20' 24"					E-48-19-B-c
xóm Lê Lợi	DC	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 13"	105° 20' 26"					E-48-19-B-c
Lèn Mồng	SV	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 39"	105° 21' 42"					E-48-19-B-c
Khe Tắm	TV	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn			19° 16' 42"	105° 19' 35"	19° 18' 20"	105° 21' 07"	E-48-19-B-c
xóm Tân Thành	DC	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 49"	105° 19' 43"					E-48-19-B-c
xóm Tân Thịnh	DC	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 52"	105° 20' 00"					E-48-19-B-c
xóm Tân Xuân	DC	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 49"	105° 20' 35"					E-48-19-B-c
xóm Trung Tâm	DC	xã Nghĩa Hiếu	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 00"	105° 20' 16"					E-48-19-B-c
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-20-A-c
hồ 19/5	TV	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 53"	105° 31' 33"					E-48-20-A-c
xóm Bình Minh	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 40"	105° 31' 57"					E-48-20-A-c
Suối Cái	TV	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn			19° 14' 56"	105° 28' 16"	19° 13' 02"	105° 24' 36"	E-48-19-D-b
Xóm Chợ	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 47"	105° 29' 55"					E-48-20-A-c
Núi Chuối	SV	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 19"	105° 31' 38"					E-48-20-A-c
núi Cột Cờ	SV	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 31"	105° 30' 41"					E-48-20-A-c
xóm Dốc Đá	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 58"	105° 31' 05"					E-48-20-A-c
suối Đá Hàn	TV	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn			19° 18' 16"	105° 32' 20"	19° 18' 32"	105° 33' 49"	E-48-20-A-c
xóm Đồng Ao	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 14"	105° 30' 08"					E-48-20-A-c
xóm Đồng Chùa	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 19"	105° 29' 43"					E-48-20-A-c
xóm Đồng Hội 1	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 53"	105° 30' 47"					E-48-20-A-c
xóm Đồng Hội 2	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 45"	105° 31' 06"					E-48-20-A-c
xóm Đồng Nấp	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 46"	105° 29' 40"					E-48-19-B-d
hồ Đông Sằng	TV	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 11"	105° 31' 12"					E-48-20-A-c
xóm Đồng Sằng	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 49"	105° 30' 35"					E-48-20-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Đồng Tâm	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 38"	105° 30' 18"					E-48-20-A-c
xóm Đồng Thanh	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 18"	105° 29' 39"					E-48-19-B-d
xóm Đồng Tiến	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 41"	105° 29' 46"					E-48-19-B-d
xóm Đồng Trường	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 01"	105° 30' 12"					E-48-20-A-c
xóm Hòa Hội	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 21"	105° 31' 14"					E-48-20-A-c
xóm Hoa Vinh Sơn	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 26"	105° 32' 24"					E-48-20-A-c
núi K/7	SV	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 17' 32"	105° 31' 44"					E-48-20-A-c
xóm Khe Bai	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 35"	105° 30' 11"					E-48-20-A-c
hồ Khe Bãi	TV	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 17' 54"	105° 32' 00"					E-48-20-A-c
xóm Làng Cháng	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 35"	105° 33' 21"					E-48-20-A-c
Hồ Lim	TV	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 21"	105° 30' 31"					E-48-20-A-c
Núi Lọ	SV	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 43"	105° 29' 52"					E-48-20-A-c
xóm Phú Thọ	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 36"	105° 32' 17"					E-48-20-A-c
hồ Sằng 2	TV	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 30"	105° 31' 00"					E-48-20-A-c
xóm Thanh Hòa	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 47"	105° 31' 11"					E-48-20-A-c
xóm Vinh Quang	DC	xã Nghĩa Hội	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 25"	105° 32' 54"					E-48-20-A-c
quốc lộ 15	KX	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-19-B-d
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-B-b
Suối Con	TV	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn			19° 24' 13"	105° 25' 17"	19° 22' 56"	105° 24' 11"	E-48-19-B-b
Suối Đá	TV	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn			19° 24' 14"	105° 24' 16"	19° 22' 56"	105° 24' 11"	E-48-19-B-b
Suối Dền	TV	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn			19° 22' 56"	105° 24' 11"	19° 20' 19"	105° 25' 04"	E-48-19-B-d
Sông Hiếu	TV	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
xóm Hồng Cường	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 34"	105° 22' 35"					E-48-19-B-a
xóm Hồng Đức	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 02"	105° 23' 39"					E-48-19-B-d
xóm Hồng Lam	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 22"	105° 24' 58"					E-48-19-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Hồng Lợi	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 24"	105° 23' 05"					E-48-19-B-d
xóm Hồng Phú	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 47"	105° 23' 43"					E-48-19-B-d
xóm Hồng Quang	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 19"	105° 24' 32"					E-48-19-B-d
xóm Hồng Thái	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 55"	105° 21' 52"					E-48-19-B-d
xóm Hồng Thắng	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 07"	105° 23' 09"					E-48-19-B-d
xóm Hồng Thịnh	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 53"	105° 22' 15"					E-48-19-B-c
xóm Hồng Thọ	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 21"	105° 23' 23"					E-48-19-B-d
xóm Hồng Tiến	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 43"	105° 23' 18"					E-48-19-B-b
xóm Hồng Trường	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 36"	105° 25' 20"					E-48-19-B-d
xóm Hồng Việt	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 46"	105° 23' 27"					E-48-19-B-d
xóm Hồng Yên	DC	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 10"	105° 23' 59"					E-48-19-B-b
suối Khe Ang	TV	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn			19° 24' 05"	105° 22' 58"	19° 21' 45"	105° 22' 25"	E-48-19-B-b
Núi Sẽ	SV	xã Nghĩa Hồng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 01"	105° 22' 00"					E-48-19-B-b
hồ 405	TV	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 09"	105° 19' 33"					E-48-19-B-c
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-B-c
làng Bình Long 1	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 49"	105° 20' 06"					E-48-19-B-a
làng Bình Long 2	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 08"	105° 20' 06"					E-48-19-B-c
Sông Dinh	TV	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn			19° 19' 05"	105° 09' 20"	19° 20' 58"	105° 21' 18"	E-48-19-B-c
làng Đồng Cần	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 49"	105° 19' 42"					E-48-19-B-c
làng Đồng Sim	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 58"	105° 19' 52"					E-48-19-B-c
Sông Hiếu	TV	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
làng Hưng Châu	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 38"	105° 19' 50"					E-48-19-B-c
làng Hưng Xuân	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 26"	105° 18' 53"					E-48-19-B-c
hồ Khe Sanh	TV	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 34"	105° 18' 40"					E-48-19-B-c
làng Lam Xuân	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 47"	105° 19' 24"					E-48-19-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
hồ Làng Mới	TV	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 48"	105° 18' 58"					E-48-19-B-c
Làng Mới	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 11"	105° 19' 58"					E-48-19-B-c
làng Nghĩa Nhân	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 10"	105° 19' 22"					E-48-19-B-c
làng Nhân Nghĩa	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 18"	105° 19' 39"					E-48-19-B-c
làng Phú Long	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 40"	105° 20' 07"					E-48-19-B-c
hồ Rộc Mây	TV	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 28"	105° 19' 47"					E-48-19-B-a
cầu Sông Dinh	KX	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 02"	105° 18' 28"					E-48-19-B-c
cầu Sông Hiếu	KX	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 30"	105° 20' 27"					E-48-19-B-c
làng Tân Quang	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 35"	105° 19' 54"					E-48-19-B-c
Làng Thị	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 22"	105° 20' 01"					E-48-19-B-c
làng Xuân Hưng	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 14"	105° 19' 03"					E-48-19-B-c
làng Xuân Phong	DC	xã Nghĩa Hưng	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 09"	105° 18' 40"					E-48-19-B-c
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-D-b
đường tỉnh 545	KX	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn			19° 19' 30"	105° 25' 06"	19° 03' 01"	105° 16' 20"	E-48-19-D-b
Xóm Bàu	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 52"	105° 23' 04"					E-48-19-D-b
xóm Bến Hương	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 30"	105° 24' 28"					E-48-19-D-b
Suối Cái	TV	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn			19° 14' 56"	105° 28' 16"	19° 13' 02"	105° 24' 36"	E-48-19-D-b
xóm Cồn Nại	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 37"	105° 22' 47"					E-48-19-D-b
Xóm Cuông	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 27"	105° 23' 17"					E-48-19-D-b
xóm Đồng Đại	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 34"	105° 22' 39"					E-48-19-D-b
hồ Eo Sụ	TV	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 05"	105° 23' 24"					E-48-19-B-d
xóm Hạ Khánh	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 45"	105° 23' 32"					E-48-19-D-b
Sông Hiếu	TV	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
xóm Hồng Khánh	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 34"	105° 23' 33"					E-48-19-D-b
Hòn Hương	SV	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 48"	105° 25' 43"					E-48-19-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Lĩnh Khánh	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 44"	105° 23' 29"					E-48-19-D-b
Xóm Mét	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 55"	105° 23' 12"					E-48-19-D-b
Xóm Mươi	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 14"	105° 24' 50"					E-48-19-D-b
xóm Tân Hợp	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 46"	105° 23' 54"					E-48-19-D-b
xóm Tân Khánh	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 07"	105° 23' 46"					E-48-19-D-b
xóm Thọ Lộc	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 35"	105° 23' 30"					E-48-19-D-b
xóm Thượng Khánh	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 16"	105° 24' 06"					E-48-19-D-b
Hòn Trọc	SV	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 15"	105° 24' 48"					E-48-19-D-b
Xóm Trôi	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 10"	105° 23' 12"					E-48-19-D-b
Xóm Trù	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 29"	105° 23' 30"					E-48-19-D-b
xóm Trung Khánh	DC	xã Nghĩa Khánh	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 05"	105° 23' 55"					E-48-19-D-b
núi Ba Lốc	SV	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn	19° 27' 34"	105° 31' 45"					E-48-20-A-a
Bó Bụi	TV	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn			19° 25' 38"	105° 31' 39"	19° 23' 54"	105° 29' 16"	E-48-20-A-a
Núi Đền	SV	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 30"	105° 32' 19"					E-48-20-A-a
Xóm Giày	DC	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 35"	105° 30' 11"	E-48-20-A				E-48-20-A-a
Lèn Hồng	SV	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 18"	105° 31' 43"					E-48-20-A-a
Xóm Lác	DC	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 17"	105° 31' 16"	E-48-20-A				E-48-20-A-a
Xóm Mẻn	DC	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 47"	105° 30' 41"	E-48-20-A				E-48-20-A-a
Hồ Mồn	TV	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 10"	105° 31' 20"					E-48-20-A-a
Xóm Mồn	DC	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 13"	105° 30' 38"	E-48-20-A				E-48-20-A-a
Sông Sào	TV	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn			19° 28' 00"	105° 28' 33"	19° 19' 56"	105° 25' 33"	E-48-19-B-b
Xóm Tân	DC	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 24"	105° 30' 31"					E-48-20-A-a
suối Tơ Lương	TV	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn			19° 27' 11"	105° 32' 00"	19° 26' 00"	105° 30' 26"	E-48-20-A-a
Xóm Vẳng	DC	xã Nghĩa Lạc	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 46"	105° 30' 59"	E-48-20-A				E-48-20-A-a
quốc lộ 15	KX	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-19-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-B-b
xóm Bắc Lâm	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 16"	105° 27' 27"					E-48-19-B-b
Làng Chảo	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 22"	105° 27' 31"					E-48-19-B-b
làng Cuồn Đá	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 37"	105° 28' 07"					E-48-19-B-b
Làng Đấn	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 35"	105° 26' 47"					E-48-19-B-b
xóm Đông lâm	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 33"	105° 28' 30"					E-48-19-B-b
xóm Đồng Xan	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 23"	105° 26' 00"					E-48-19-B-b
Làng Gia	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 47"	105° 26' 22"					E-48-19-B-b
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-19-B-b
xóm Khe Lau	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 16"	105° 26' 14"					E-48-19-B-b
hồ Khe Yêu	TV	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 56"	105° 25' 37"					E-48-19-B-b
xóm Khe Yêu	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 44"	105° 26' 04"					E-48-19-B-b
Làng Lầm	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 48"	105° 27' 03"					E-48-19-B-b
xóm Nam Lâm	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 02"	105° 26' 15"					E-48-19-B-b
xóm Nghĩa Chính	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 15"	105° 28' 31"					E-48-19-B-b
Sông Sào	TV	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn			19° 28' 00"	105° 28' 33"	19° 19' 56"	105° 25' 33"	E-48-19-B-b
xóm Tân Lâm	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 53"	105° 28' 39"					E-48-19-B-b
Làng Tra	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 03"	105° 26' 33"					E-48-19-B-b
Làng Xâm	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 24"	105° 27' 10"					E-48-19-B-b
xóm Yên Khang	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 20"	105° 26' 31"					E-48-19-B-b
xóm Yên Trung	DC	xã Nghĩa Lâm	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 00"	105° 27' 49"					E-48-19-B-b
quốc lộ 48	KX	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-c
Xóm Bai	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 13"	105° 21' 11"					E-48-19-B-c
Sông Dinh	TV	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn			19° 19' 05"	105° 09' 20"	19° 20' 58"	105° 21' 18"	E-48-19-B-c
xóm Đồng Tầm	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 40"	105° 21' 21"					E-48-19-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Khe Hều	TV	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn			19° 18' 21"	105° 21' 08"	19° 20' 45"	105° 20' 51"	E-48-19-B-c
xóm Hều 1	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 51"	105° 21' 33"					E-48-19-B-c
xóm Hều 2	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 35"	105° 21' 26"					E-48-19-B-c
xóm Hiệp 1	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 41"	105° 20' 57"					E-48-19-B-c
xóm Hiệp 2	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 41"	105° 21' 08"					E-48-19-B-c
xóm Hiệp 3	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 18"	105° 21' 24"					E-48-19-B-c
Sông Hiếu	TV	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
Lèn Mồng	SV	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 39"	105° 21' 42"					E-48-19-B-c
xóm Tân Hiệp	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 01"	105° 20' 43"					E-48-19-B-c
Xóm Tháp	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 03"	105° 21' 07"					E-48-19-B-c
Xóm Thiết	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 25"	105° 21' 41"					E-48-19-B-c
xóm Xuân 1	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 11"	105° 21' 14"					E-48-19-B-c
xóm Xuân 2	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 25"	105° 20' 57"					E-48-19-B-c
xóm Xuân 3	DC	xã Nghĩa Liên	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 28"	105° 21' 19"					E-48-19-B-c
quốc lộ 15	KX	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-19-D-b
xóm Ấp Bổng	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 09"	105° 27' 58"					E-48-19-D-b
xóm Bình Minh	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 05"	105° 29' 20"					E-48-19-B-d
núi Bồ Bồ	SV	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 11' 44"	105° 27' 45"					E-48-19-D-b
Suối Cái	TV	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn			19° 14' 56"	105° 28' 16"	19° 13' 02"	105° 24' 36"	E-48-19-D-b
xóm Cồn Cả	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 16"	105° 28' 47"					E-48-19-D-b
xóm Đập Đanh	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 00"	105° 27' 54"					E-48-19-D-b
xóm Đông Phong	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 22"	105° 27' 37"					E-48-19-D-b
xóm Đồng Rành	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 51"	105° 26' 52"					E-48-19-D-b
xóm Hải Lào	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 15"	105° 26' 16"					E-48-19-D-b
xóm Hải Lộc	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 30"	105° 26' 56"					E-48-19-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-19-D-b
đập Hòn Mác	TV	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 44"	105° 26' 32"					E-48-19-D-b
xóm Hồng Lộc	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 30"	105° 29' 08"					E-48-19-D-b
xóm Hùng Lập	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 00"	105° 28' 56"					E-48-19-D-b
Hòn Mác	SV	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 38"	105° 26' 07"					E-48-19-D-b
xóm Khánh Tiến	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 40"	105° 27' 30"					E-48-19-D-b
xóm Khe Sài 1	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 11' 34"	105° 25' 50"					E-48-19-D-b
xóm Khe Sài 2	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 11"	105° 25' 17"					E-48-19-D-b
xóm Kim Hồng	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 14"	105° 28' 23"					E-48-19-D-b
xóm Mỹ Lộc	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 12' 28"	105° 27' 23"					E-48-19-D-b
Khe Son	TV	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 10"	105° 31' 37"	19° 15' 27"	105° 29' 48"	E-48-20-C-a
xóm Sơn Hải	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 17"	105° 25' 41"					E-48-19-D-b
xóm Sông Lim	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 42"	105° 26' 46"					E-48-19-D-b
Núi Sương	SV	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 24"	105° 30' 08"					E-48-20-C-a
xóm Tân Hữu	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 33"	105° 29' 04"					E-48-19-D-b
xóm Tân Lập	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 37"	105° 28' 39"					E-48-19-D-b
xóm Tân Xuân	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 33"	105° 28' 14"					E-48-19-D-b
xóm Tháp Lộc	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 57"	105° 29' 28"					E-48-19-D-b
xóm Thịnh Lộc	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 34"	105° 28' 36"					E-48-19-D-b
xóm Thọ Lộc	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 57"	105° 27' 32"					E-48-19-D-b
Xóm Trại	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 01"	105° 28' 33"					E-48-19-D-b
xóm Vạn Lộc 1	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 11' 43"	105° 25' 15"					E-48-19-D-b
xóm Vạn Lộc 2	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 11' 42"	105° 24' 28"					E-48-19-D-b
xóm Vĩnh Giang	DC	xã Nghĩa Lộc	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 02"	105° 28' 57"					E-48-19-D-b
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-20-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Núi Cóc	SV	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 49"	105° 31' 18"					E-48-20-A-a
xóm Hưng Nghĩa	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 38"	105° 30' 52"					E-48-20-A-a
xóm Lung Bình	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 41"	105° 32' 11"					E-48-20-A-a
xóm Lung Hạ	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 34"	105° 32' 11"					E-48-20-A-a
xóm Lung Thượng	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 51"	105° 32' 19"					E-48-20-A-a
Xóm Mít	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 28"	105° 30' 52"					E-48-20-A-a
Khe Nghĩa	TV	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn			19° 22' 49"	105° 31' 03"	19° 20' 59"	105° 29' 00"	E-48-20-A-a
xóm Ngọc Hưng	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 20"	105° 30' 36"					E-48-20-A-c
hồ Ngọc Lam	TV	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 49"	105° 30' 24"					E-48-20-A-c
xóm Ngọc Lam	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 53"	105° 30' 38"					E-48-20-A-c
xóm Tân Cay	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 31"	105° 34' 10"					E-48-20-A-a
xóm Tân Sỏi	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 55"	105° 31' 14"					E-48-20-A-a
xóm Tân Thai	DC	xã Nghĩa Lợi	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 57"	105° 30' 13"					E-48-20-A-a
Khe Cái	TV	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn			19° 15' 27"	105° 29' 48"	19° 14' 29"	105° 27' 44"	E-48-19-B-d, E-48-19-D-b
xóm Đông Sơn/ Đông	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 24"	105° 27' 42"					E-48-19-B-d
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-19-D-b
Hòn Hương	SV	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 48"	105° 25' 43"					E-48-19-D-b
xóm Nam Cát	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 08"	105° 28' 15"					E-48-19-D-b
xóm Nam Hòa	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 57"	105° 27' 57"					E-48-19-D-b
xóm Nam Hương	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 31"	105° 26' 54"					E-48-19-D-b
xóm Nam Khế	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 35"	105° 26' 11"					E-48-19-D-b
xóm Nam Kim	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 13' 58"	105° 26' 12"					E-48-19-D-b
xóm Nam Long	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 49"	105° 27' 18"					E-48-19-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Nam Phong	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 14"	105° 26' 55"					E-48-19-D-b
xóm Nam Sơn	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 05"	105° 26' 46"					E-48-19-D-b
xóm Nam Tân	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 31"	105° 27' 25"					E-48-19-D-b
xóm Nam Thái	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 38"	105° 27' 59"					E-48-19-D-b
xóm Nam Thắng	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 15' 28"	105° 26' 18"					E-48-19-B-d
Khe Son	TV	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 10"	105° 31' 37"	19° 15' 27"	105° 29' 48"	E-48-20-C-a
Hòn Sường	SV	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 15"	105° 25' 07"					E-48-19-D-b
xóm Vạn Lộc	DC	xã Nghĩa Long	H. Nghĩa Đàn	19° 14' 09"	105° 26' 09"					E-48-19-D-b
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-B-a
Làng Bái	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 05"	105° 21' 22"					E-48-19-B-a
làng Bãi Bằng	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 28"	105° 21' 48"					E-48-19-B-a
Làng Bát	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 13"	105° 21' 07"					E-48-19-B-a
Làng Bàu	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 04"	105° 22' 22"					E-48-19-B-a
làng Bầu Thịnh	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 55"	105° 22' 29"					E-48-19-B-a
Làng Bong	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 17"	105° 21' 52"					E-48-19-B-a
Làng Bui	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 05"	105° 22' 10"					E-48-19-B-a
Làng Cáo	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 04"	105° 20' 50"					E-48-19-B-a
suối Cây Trôi	TV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn			19° 27' 12"	105° 20' 47"	19° 25' 38"	105° 21' 57"	E-48-19-B-a
Suối Chai	TV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn			19° 38' 29"	105° 05' 16"	19° 38' 24"	105° 01' 11"	E-48-7-C
Làng Chè	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 07"	105° 21' 13"					E-48-19-B-a
núi Chuột Bạch	SV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 30' 30"	105° 21' 21"					E-48-19-B-a
Suối Cung	TV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn			19° 29' 59"	105° 21' 34"	19° 26' 21"	105° 18' 28"	E-48-19-B-a
Làng Đồn	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 57"	105° 21' 57"					E-48-19-B-a
Làng Gia	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 38"	105° 22' 03"					E-48-19-B-a
Làng Giàn	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 27' 01"	105° 21' 30"					E-48-19-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Làng Gióm	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 34"	105° 20' 53"					E-48-19-B-a
Sông Hiếu	TV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
đường Hồ Chí Minh	KX	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn			19° 26' 38"	105° 26' 56"	18° 35' 45"	105° 26' 04"	E-48-19-B-a
Suối Hon	TV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn			19° 30' 45"	105° 20' 49"	19° 28' 13"	105° 17' 39"	E-48-19-B-a
suối Khe Ang	TV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn			19° 24' 05"	105° 22' 58"	19° 21' 45"	105° 22' 25"	E-48-19-B-b
làng Lai Châu	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 52"	105° 22' 56"					E-48-19-B-b
hồ Làng Cáo	TV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 59"	105° 20' 44"					E-48-19-B-a
Làng Lẻ	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 27"	105° 21' 19"					E-48-19-B-a
làng Mai Hồng	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 03"	105° 21' 41"					E-48-19-B-a
Làng Nạn	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 20"	105° 21' 55"					E-48-19-B-a
làng Quỳnh Mai	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 39"	105° 21' 17"					E-48-19-B-a
làng Quỳnh Yên	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 01"	105° 21' 39"					E-48-19-B-a
Suối Sao	TV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn			19° 28' 22"	105° 23' 06"	19° 24' 05"	105° 22' 58"	E-48-19-B-a
Làng Se	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 03"	105° 20' 44"					E-48-19-B-a
Đồi Sô	SV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 07"	105° 21' 20"					E-48-19-B-a
Làng Sừa	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 03"	105° 22' 17"					E-48-19-B-a
núi Tân Đồng	SV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 30"	105° 20' 22"					E-48-19-B-a
làng Tân Mai	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 42"	105° 22' 16"					E-48-19-B-a
Suối Tong	TV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn			19° 32' 05"	105° 19' 57"	19° 28' 37"	105° 17' 31"	E-48-19-B-a
Núi Trạm	SV	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 27' 47"	105° 19' 03"					E-48-19-B-a
Làng Vín	DC	xã Nghĩa Mai	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 23"	105° 23' 01"					E-48-19-B-b
quốc lộ 15	KX	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-19-B-b
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-B-b
Làng Bệt	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 19"	105° 25' 49"					E-48-19-B-d
Làng Bô	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 09"	105° 25' 09"					E-48-19-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Làng Cam	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 45"	105° 24' 52"					E-48-19-B-d
hồ Khe Sanh	TV	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 47"	105° 26' 25"					E-48-19-B-b
làng Lâm Trường	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 23"	105° 24' 49"					E-48-19-B-b
Làng Lẹn	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 48"	105° 25' 15"					E-48-19-B-d
Núi Lẹn	SV	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 32"	105° 25' 36"					E-48-19-B-d
làng Minh Hùng	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 58"	105° 26' 02"					E-48-19-B-d
Làng Ngã	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 00"	105° 25' 09"					E-48-19-B-b
Làng Sanh	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 35"	105° 26' 17"					E-48-19-B-d
làng Tiên Long	DC	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 28"	105° 23' 41"					E-48-19-B-b
Hòn Xưa	SV	xã Nghĩa Minh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 05"	105° 26' 43"					E-48-19-B-d
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-20-A-c
Suối Cái	TV	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Đàn			19° 14' 56"	105°28' 16"	19° 13' 02"	105°24' 36"	E-48-19-D-b
Núi Cóc	SV	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 49"	105° 31'18"					E-48-20-A-c
suối Làng Thuyền	TV	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Đàn			19° 24' 09"	105°32' 20"	19° 20' 13"	105°33' 50"	E-48-20-A-c
xóm Phú Hòa	DC	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 11"	105° 32' 13"					E-48-20-A-c
xóm Phú Lộc	DC	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 00"	105° 32' 10"					E-48-20-A-c
xóm Phú Lợi	DC	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 21"	105° 32' 29"					E-48-20-A-a
xóm Phú Nguyên	DC	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 21"	105° 31' 57"					E-48-20-A-c
xóm Phú Thắng	DC	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 31"	105° 32' 57"					E-48-20-A-c
xóm Phú Tiến	DC	xã Nghĩa Phú	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 09"	105° 32' 23"					E-48-20-A-c
quốc lộ 15	KX	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn			19° 26' 37"	105° 26' 54"	18° 33' 35"	105° 33' 24"	E-48-19-B-b
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-B-b
hồ Đồng Canh	TV	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 47"	105° 24' 11"					E-48-19-B-b
xóm Làng Bé	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 06"	105° 24' 45"					E-48-19-B-b
đồi Rú Hang	SV	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 30"	105° 25' 47"					E-48-19-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Sông Sào	TV	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn			19° 28' 00"	105° 28' 33"	19° 19' 56"	105° 25' 33"	E-48-19-B-b
xóm Sơn Bắc	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 21"	105° 26' 53"					E-48-19-B-b
xóm Sơn Đoài	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 12"	105° 26' 34"					E-48-19-B-b
xóm Sơn Đông	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 56"	105° 27' 35"					E-48-19-B-b
xóm Sơn Hạ	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 47"	105° 25' 23"					E-48-19-B-b
xóm Sơn Liên	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 17"	105° 26' 43"					E-48-19-B-b
xóm Sơn Nam	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 34"	105° 27' 21"					E-48-19-B-b
xóm Sơn Tây	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 55"	105° 26' 28"					E-48-19-B-b
xóm Sơn Thượng	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 08"	105° 24' 59"					E-48-19-B-b
xóm Sơn Trung	DC	xã Nghĩa Sơn	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 21"	105° 24' 50"					E-48-19-B-b
quốc lộ 48	KX	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Đàn			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-B-c
Sông Hiếu	TV	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Đàn			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
xóm Hưng Lập	DC	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 20"	105° 22' 43"					E-48-19-B-d
Lèn Mồng	SV	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 39"	105° 21' 42"					E-48-19-B-c
hồ Ngã Hai	TV	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 32"	105° 22' 46"					E-48-19-B-d
xóm Quán Mít	DC	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 24"	105° 21' 55"					E-48-19-B-c
xóm Tân Hồng	DC	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 46"	105° 21' 45"					E-48-19-B-c
xóm Tân Lập	DC	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 48"	105° 23' 08"					E-48-19-B-c
xóm Tân Liên	DC	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 32"	105° 21' 43"					E-48-19-B-c
xóm Tân Thành	DC	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 19"	105° 22' 14"					E-48-19-B-c
xóm Tân Tiến	DC	xã Nghĩa Tân	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 36"	105° 22' 55"					E-48-19-B-d
xóm Cao Trai	DC	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 25"	105° 23' 37"					E-48-19-B-c
Bàu Cở	TV	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 43"	105° 22' 24"					E-48-19-B-d
Sông Hiếu	TV	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Đàn			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
Núi Nậy	SV	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 24"	105° 23' 28"					E-48-19-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Xóm Rải	DC	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 43"	105° 22' 50"					E-48-19-B-d
hồ Rộc U	TV	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 39"	105° 23' 42"					E-48-19-B-d
Hồ Sình	TV	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 54"	105° 23' 10"					E-48-19-B-d
Xóm Sình	DC	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 59"	105° 22' 50"					E-48-19-B-d
xóm Tân Phong	DC	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 48"	105° 23' 23"					E-48-19-B-d
Xóm U	DC	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 45"	105° 23' 34"					E-48-19-B-d
Xóm Vạn	DC	xã Nghĩa Thắng	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 38"	105° 22' 08"					E-48-19-B-c
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-B-c
suối Bà Trưởng	TV	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn			19° 21' 32"	105° 21' 30"	19° 21' 28"	105° 21' 54"	E-48-19-B-c
xóm Đoàn Kết	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 47"	105° 21' 55"					E-48-19-B-c
xóm Độc Lập	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 00"	105° 21' 01"					E-48-19-B-c
Sông Hiếu	TV	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
hồ Khe Thái	TV	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 34"	105° 21' 25"					E-48-19-B-a, E-48-19-B-c
xóm Quyết Tâm	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 12"	105° 21' 02"					E-48-19-B-c
xóm Quyết Thắng	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 25"	105° 20' 59"					E-48-19-B-c
xóm Quyết Tiến	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 24"	105° 20' 46"					E-48-19-B-c
Núi Sẽ	SV	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 01"	105° 22' 00"					E-48-19-B-c
cầu Sông Hiếu	KX	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 30"	105° 20' 27"					E-48-19-B-d, E-48-19-D-b
hồ Tân Đông	TV	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 15"	105° 21' 31"					E-48-19-B-c
xóm Tân Phú	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 48"	105° 21' 16"					E-48-19-B-c
xóm Tân Thành	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 33"	105° 22' 03"					E-48-19-B-c
xóm Tân Thịnh	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 36"	105° 21' 49"					E-48-19-B-c
xóm Thành Công	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 00"	105° 21' 36"					E-48-19-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Tồng Mòn	DC	xã Nghĩa Thịnh	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 21"	105° 21' 37"					E-48-19-B-c
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Thọ	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-20-A-c
Làng Cầu	DC	xã Nghĩa Thọ	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 21"	105° 32' 13"					E-48-20-A-c
núi Cột Mốc	SV	xã Nghĩa Thọ	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 15"	105° 33' 54"					E-48-20-A-c
khe Đồng Báng	TV	xã Nghĩa Thọ	H. Nghĩa Đàn			19° 21' 04"	105° 32' 24"	19° 20' 38"	105° 33' 48"	E-48-20-A-c
hồ Khe Lung	TV	xã Nghĩa Thọ	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 59"	105° 32' 31"					E-48-20-A-c
khe Làng Thuyền	TV	xã Nghĩa Thọ	H. Nghĩa Đàn			19° 24' 09"	105° 32' 20"	19° 20' 13"	105° 33' 50"	E-48-20-A-c
Làng Màn	DC	xã Nghĩa Thọ	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 30"	105° 33' 02"					E-48-20-A-a
Làng Men	DC	xã Nghĩa Thọ	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 58"	105° 31' 56"					E-48-20-A-c
xóm Tân Thọ	DC	xã Nghĩa Thọ	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 46"	105° 33' 16"					E-48-20-A-a
Làng Trống	DC	xã Nghĩa Thọ	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 42"	105° 33' 22"					E-48-20-A-c
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-B-d
xóm Ấp Đon	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 33"	105° 27' 45"					E-48-19-B-d
Hòn Bàn	SV	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 39"	105° 25' 58"					E-48-19-B-d
xóm Bàu Lạng	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 08"	105° 27' 25"					E-48-19-B-d
xóm Đập Bể	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 48"	105° 28' 27"					E-48-19-B-d
xóm Diễn Đồng	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 29"	105° 28' 00"					E-48-19-B-d
xóm Diễn Thái	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 06"	105° 28' 34"					E-48-19-B-d
xóm Diễn Xuân	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 18"	105° 27' 32"					E-48-19-B-d
xóm Đồng Be	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 12"	105° 26' 40"					E-48-19-B-d
xóm Đồng Bông	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 23"	105° 27' 07"					E-48-19-B-d
xóm Đồng Nheo	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 48"	105° 26' 14"					E-48-19-B-d
xóm Đồng Quỹ	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 00"	105° 27' 01"					E-48-19-B-d
xóm Đồng Tâm	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 36"	105° 26' 35"					E-48-19-B-d
Hồ Gừa	TV	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 10"	105° 27' 43"					E-48-19-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm Hòn Tổng	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 44"	105° 28' 13"					E-48-19-B-d
xóm Hưng Nguyên	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 49"	105° 27' 22"					E-48-19-B-d
xóm Làng Mét	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 20"	105° 26' 13"					E-48-19-B-d
xóm Làng Mít	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 43"	105° 27' 52"					E-48-19-B-d
Núi Lẹn	SV	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 32"	105° 25' 36"					E-48-19-B-d
xóm Nghĩa Thái	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 21"	105° 28' 45"					E-48-19-B-d
Sông Sào	TV	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn			19° 28' 00"	105° 28' 33"	19° 19' 56"	105° 25' 33"	E-48-19-B-d
xóm Tân Trung	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 18' 59"	105° 27' 25"					E-48-19-B-d
Núi Tọ	SV	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 20' 13"	105° 26' 12"					E-48-19-B-d
xóm Trung Thái	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 21' 14"	105° 27' 21"					E-48-19-B-d
Núi Vẹt	SV	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 35"	105° 27' 06"					E-48-19-B-d
Hòn Xưa	SV	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 22' 05"	105° 26' 43"					E-48-19-B-d
xóm Xuân Yến	DC	xã Nghĩa Trung	H. Nghĩa Đàn	19° 19' 10"	105° 28' 00"					E-48-19-B-d
đường tỉnh 531	KX	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn			19° 13' 30"	105° 31' 36"	19° 13' 44"	105° 23' 57"	E-48-19-B-b
Làng Canh	SV	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 53"	105° 24' 20"					E-48-19-B-b
làng Chăn Nuôi	SV	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 27' 41"	105° 22' 40"					E-48-19-B-b
Làng Chong	SV	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 28"	105° 24' 33"					E-48-19-B-b
Suối Con	TV	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn			19° 24' 13"	105° 25' 17"	19° 22' 56"	105° 24' 11"	E-48-19-B-b
Suối Đá	TV	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn			19° 24' 14"	105° 24' 16"	19° 22' 56"	105° 24' 11"	E-48-19-B-b
hồ Đồng Canh	TV	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 24' 47"	105° 24' 11"					E-48-19-B-b
làng Đồng Hưng	DC	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 39"	105° 23' 41"					E-48-19-B-b
làng Đồng Song	DC	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 41"	105° 23' 01"					E-48-19-B-b
Làng Dừa	DC	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 09"	105° 23' 55"					E-48-19-B-b
làng Hưng Thông	DC	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 54"	105° 23' 46"					E-48-19-B-b
làng Kim Yên	DC	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 26"	105° 24' 19"					E-48-19-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
làng Lâm Sinh	DC	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 27' 25"	105° 22' 08"					E-48-19-B-a
hồ Làng Nhâm	TV	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 08"	105° 24' 46"					E-48-19-B-b
Làng Lập	DC	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 23"	105° 25' 41"					E-48-19-B-b
Làng Mới	DC	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 26' 30"	105° 25' 11"					E-48-19-B-b
Làng Nhâm	DC	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 25' 57"	105° 24' 30"					E-48-19-B-b
Suối Sao	TV	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn			19° 28' 22"	105° 23' 06"	19° 24' 05"	105° 22' 58"	E-48-19-B-b
làng Yên Hưng	SV	xã Nghĩa Yên	H. Nghĩa Đàn	19° 23' 31"	105° 23' 39"					E-48-19-B-b
khối 1	DC	TT. Kim Sơn	H. Quế Phong	19° 37' 06"	104° 55' 35"					E-48-6-D
khối 2	DC	TT. Kim Sơn	H. Quế Phong	19° 36' 56"	104° 55' 25"					E-48-6-D
khối 3	DC	TT. Kim Sơn	H. Quế Phong	19° 36' 50"	104° 55' 19"					E-48-6-D
khối 4	DC	TT. Kim Sơn	H. Quế Phong	19° 36' 40"	104° 55' 18"					E-48-6-D
khối 5	DC	TT. Kim Sơn	H. Quế Phong	19° 36' 31"	104° 55' 12"					E-48-6-D
khối 6	DC	TT. Kim Sơn	H. Quế Phong	19° 36' 30"	104° 55' 16"					E-48-6-D
khối 7	DC	TT. Kim Sơn	H. Quế Phong	19° 36' 19"	104° 55' 11"					E-48-6-D
khối 8	DC	TT. Kim Sơn	H. Quế Phong	19° 36' 18"	104° 55' 07"					E-48-6-D
khối 9	DC	TT. Kim Sơn	H. Quế Phong	19° 36' 25"	104° 55' 02"					E-48-6-D
quốc lộ 48	KX	TT. Kim Sơn	H. Quế Phong			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-6-D
Bản Bố	DC	xã Căm Muộn	H. Quế Phong	19° 31' 43"	104° 49' 03"					E-48-6-D
bản Cắm Cảng	DC	xã Căm Muộn	H. Quế Phong	19° 29' 51"	104° 49' 20"					E-48-6-D
bản Cắm Nọc	DC	xã Căm Muộn	H. Quế Phong	19° 29' 42"	104° 48' 56"					E-48-6-D
bản Cắm Pỏm	DC	xã Căm Muộn	H. Quế Phong	19° 29' 36"	104° 48' 58"					E-48-18-B
bản Đỏn Phạt	DC	xã Căm Muộn	H. Quế Phong	19° 30' 22"	104° 49' 49"					E-48-6-D
Suối Kẹp	TV	xã Căm Muộn	H. Quế Phong			19° 29' 55"	104° 41' 54"	19° 29' 01"	104° 37' 01"	E-48-18-A
bản Mòng 1	DC	xã Căm Muộn	H. Quế Phong	19° 31' 04"	104° 50' 28"					E-48-6-D
bản Mòng 2	DC	xã Căm Muộn	H. Quế Phong	19° 31' 06"	104° 50' 40"					E-48-6-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
bản Mòng 3	DC	xã Căm Muộn	H. Quế Phong	19° 31' 06"	104° 50' 51"					E-48-6-D
bản Nà Cho	DC	xã Căm Muộn	H. Quế Phong	19° 31' 17"	104° 49' 35"					E-48-6-D
suối Na Quya	TV	xã Căm Muộn	H. Quế Phong			19° 29' 01"	104° 44' 55"	19° 28' 30"	104° 47' 08"	E-48-18-B
bản Phả Pạt	DC	xã Căm Muộn	H. Quế Phong	19° 31' 10"	104° 49' 39"					E-48-6-D
bản Piếng Cắm	DC	xã Căm Muộn	H. Quế Phong	19° 32' 05"	104° 49' 45"					E-48-6-D
Bản Pún	DC	xã Căm Muộn	H. Quế Phong	19° 30' 45"	104° 49' 58"					E-48-6-D
Sông Quàng	TV	xã Căm Muộn	H. Quế Phong			19° 35' 20"	104° 41' 35"	19° 36' 14"	105° 00' 06"	E-48-6-A, E-48-6-C+D, E-48-7-C
Suối Quya	TV	xã Căm Muộn	H. Quế Phong			19° 27' 40"	104° 43' 43"	19° 29' 01"	104° 44' 55"	E-48-18-A
đường tỉnh 543	KX	xã Châu Kim	H. Quế Phong			19° 38' 17"	104° 57' 40"	19° 40' 36"	104° 39' 50"	E-48-6-D
Bản Chổi	DC	xã Châu Kim	H. Quế Phong	19° 36' 15"	104° 53' 51"					E-48-6-D
Bản Cọ	DC	xã Châu Kim	H. Quế Phong	19° 35' 10"	104° 53' 09"					E-48-6-D
Bản Đô	DC	xã Châu Kim	H. Quế Phong	19° 35' 17"	104° 53' 34"					E-48-6-D
Bản Đổ	DC	xã Châu Kim	H. Quế Phong	19° 35' 40"	104° 53' 13"					E-48-6-D
Nậm Giải	TV	xã Châu Kim	H. Quế Phong			19° 41' 11"	104° 48' 35"	19° 34' 49"	104° 58' 12"	E-48-6-D
bản Hữu Văn	DC	xã Châu Kim	H. Quế Phong	19° 35' 14"	104° 52' 41"					E-48-6-D
Kháng	DC	xã Châu Kim	H. Quế Phong	19° 34' 43"	104° 52' 36"					E-48-6-D
Bản Khoảng	DC	xã Châu Kim	H. Quế Phong	19° 35' 46"	104° 53' 22"					E-48-6-D
bản Kim Khê	DC	xã Châu Kim	H. Quế Phong	19° 35' 36"	104° 53' 50"					E-48-6-D
Lé	DC	xã Châu Kim	H. Quế Phong	19° 35' 06"	104° 52' 33"					E-48-6-D
bản Liên Minh	DC	xã Châu Kim	H. Quế Phong	19° 36' 04"	104° 53' 29"					E-48-6-D
Bản Mồng	DC	xã Châu Kim	H. Quế Phong	19° 36' 29"	104° 54' 07"					E-48-6-D
Bản Muồng	DC	xã Châu Kim	H. Quế Phong	19° 35' 00"	104° 52' 58"					E-48-6-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
quốc lộ 48	KX	xã Châu Thôn	H. Quế Phong			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	
bản Cỏ Ngựu	DC	xã Châu Thôn	H. Quế Phong	19° 33' 21"	104° 48' 40"					E-48-6-D
bản Đỉn Đảnh	DC	xã Châu Thôn	H. Quế Phong	19° 32' 51"	104° 48' 46"					E-48-6-D
Bản Hiền	DC	xã Châu Thôn	H. Quế Phong	19° 33' 52"	104° 48' 16"					E-48-6-D
Bản Lắm	DC	xã Châu Thôn	H. Quế Phong	19° 33' 15"	104° 48' 05"					E-48-6-D
Bản Mở	DC	xã Châu Thôn	H. Quế Phong	19° 34' 11"	104° 48' 03"					E-48-6-D
bản Na Lạn	DC	xã Châu Thôn	H. Quế Phong	19° 33' 00"	104° 49' 17"					E-48-6-D
bản Na Pục	DC	xã Châu Thôn	H. Quế Phong	19° 34' 41"	104° 47' 28"					E-48-6-D
bản Na Tóng	DC	xã Châu Thôn	H. Quế Phong	19° 32' 48"	104° 49' 05"					E-48-6-D
bản Na Tỳ	DC	xã Châu Thôn	H. Quế Phong	19° 33' 25"	104° 48' 51"					E-48-6-D
Bản Piểu	DC	xã Châu Thôn	H. Quế Phong	19° 32' 40"	104° 49' 35"					E-48-6-D
Bản Pỏi	DC	xã Châu Thôn	H. Quế Phong	19° 32' 31"	104° 48' 45"					E-48-6-D
Sông Quàng	TV	xã Châu Thôn	H. Quế Phong			19° 35' 20"	104° 41' 35"	19° 36' 18"	105° 00' 06"	E-48-6-D
Bản Quạnh	DC	xã Châu Thôn	H. Quế Phong	19° 33' 57"	104° 47' 50"					E-48-6-D
Nậm Tột	TV	xã Châu Thôn	H. Quế Phong			19° 41' 37"	104° 40' 58"	19° 34' 39"	104° 47' 46"	E-48-6-D
bản Xóm Mới	DC	xã Châu Thôn	H. Quế Phong	19° 33' 25"	104° 48' 26"					E-48-6-D
quốc lộ 48	KX	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-6-D
núi Bù Giọi	SV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	19° 47' 25"	105° 05' 54"					E-48-7-A
suối Cà Dai	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 51' 41"	105° 11' 03"	19° 53' 31"	105° 07' 46"	E-48-7-A
Núi Cam	SV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	18° 55' 56"	105° 18' 46"					E-48-31-B-a
suối Canh Ke	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 54' 24"	105° 01' 49"	19° 55' 34"	105° 05' 03"	E-48-7-A
suối Chà Là	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 49' 32"	105° 00' 39"	19° 47' 02"	105° 00' 03"	E-48-7-A
suối Chiềng Noong	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 51' 27"	105° 08' 53"	19° 52' 57"	105° 06' 26"	E-48-7-A
Sông Chu	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 55' 06"	104° 50' 25"	19° 55' 25"	105° 08' 50"	E-48-7-A, E-48-6-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Núi Cọc	SV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	19° 51' 07"	105° 03' 05"					E-48-7-A
núi Cột Cờ	SV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	19° 18' 31"	105° 30' 41"					E-48-20-A-c
bản Đồng Mới	DC	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	19° 46' 12"	104° 59' 39"					E-48-6-B
bản Đồng Tiến	DC	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	19° 47' 56"	105° 02' 26"					E-48-7-A
Suối Duộc	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 47' 12"	105° 04' 06"	19° 48' 19"	105° 04' 05"	E-48-7-A
núi Hâm Chạng	SV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	19° 48' 08"	105° 07' 32"					E-48-7-A
Suối Hinh	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 45' 03"	105° 07' 04"	19° 48' 46"	105° 03' 49"	E-48-7-A
núi Hòng Na	SV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	19° 50' 14"	105° 08' 38"					E-48-7-A
Suối Hoong	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 48' 09"	105° 01' 31"	19° 49' 21"	105° 01' 26"	E-48-7-A
Suối Ke	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 45' 39"	105° 03' 20"	19° 49' 23"	105° 03' 11"	E-48-7-A
Nậm Khúc	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 55' 12"	105° 02' 39"	19° 55' 07"	105° 08' 00"	E-48-7-A
bản Khủn Na	DC	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	19° 47' 12"	105° 04' 31"					E-48-7-A
suối Lạc Nhỏ	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 49' 38"	105° 07' 44"	19° 50' 34"	105° 05' 32"	E-48-7-A
suối Lạc To	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 49' 53"	105° 08' 11"	19° 51' 45"	105° 06' 00"	E-48-7-A
Suối Man	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 47' 26"	105° 03' 39"	19° 48' 27"	105° 03' 54"	E-48-7-A
Suối Mần	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 53' 47"	105° 08' 54"	19° 54' 32"	105° 07' 59"	E-48-7-A
bản Mường Hinh	DC	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	19° 47' 26"	105° 02' 23"					E-48-7-A
bản Na Chảo	DC	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	19° 47' 14"	105° 00' 34"					E-48-7-A
suối Nậm Hạt	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 48' 42"	104° 57' 07"	19° 43' 17"	104° 58' 28"	E-48-6-B, E-48-6-D
Suối Núi	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 45' 47"	105° 04' 20"	19° 47' 50"	105° 02' 24"	E-48-7-A
Suối Pa	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 19' 17"	104° 08' 57"	19° 22' 24"	104° 13' 15"	E-48-17-A
Bản Pang	DC	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	19° 45' 24"	104° 59' 04"					E-48-7-A
Suối Pang	TV	xã Đồng Văn	H. Quế Phong			19° 54' 11"	105° 09' 43"	19° 54' 49"	105° 08' 10"	E-48-7-A
bản Piềng Văn	DC	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	19° 48' 30"	105° 00' 53"					E-48-7-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
bản Pu Duộc	DC	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	19° 46' 50"	105° 05' 02"					E-48-7-A
bản Pu Khoóng	DC	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	19° 46' 26"	105° 04' 41"					E-48-7-A
Bản Tục	DC	xã Đồng Văn	H. Quế Phong	19° 44' 15"	104° 58' 42"					E-48-7-A
núi Cao Ma	SV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 46' 30"	104° 53' 48"					E-48-6-B
Bản Chàm	DC	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 39' 45"	104° 55' 52"					E-48-6-D
bản Chăm Pụt	DC	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 40' 38"	104° 53' 27"					E-48-6-D
Bản Chiếng	DC	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 39' 23"	104° 56' 23"					E-48-6-D
núi Chóp Chóp	SV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 44' 14"	104° 46' 29"					E-48-6-D
Bản Cóng	DC	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 41' 33"	104° 52' 26"					E-48-6-D
Sông Hiếu	TV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
bản Hua Mương	DC	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 43' 20"	104° 50' 55"					E-48-6-D
Núi Khăm	SV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 43' 35"	104° 41' 42"					E-48-6-A, E-48-6-C
Bản Khốm	DC	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 40' 23"	104° 53' 53"					E-48-6-D
Suối Lán	TV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong			19° 44' 54"	104° 48' 32"	19° 44' 04"	104° 50' 22"	E-48-6-D
Suối Lân	TV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong			19° 46' 29"	104° 45' 59"	19° 44' 54"	104° 48' 32"	E-48-6-B, E-48-6-D
Suối Mít	TV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong			19° 47' 05"	104° 48' 35"	19° 44' 30"	104° 49' 43"	E-48-6-B, E-48-6-D
Bản Mứt	DC	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 41' 17"	104° 52' 53"					E-48-6-D
Suối Ná	TV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong			19° 47' 17"	104° 51' 12"	19° 44' 22"	104° 50' 17"	E-48-6-B, E-48-6-D
bản Pà Cọ	DC	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 39' 41"	104° 55' 30"					E-48-6-D
bản Pà Kỉm	DC	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 39' 32"	104° 55' 50"					E-48-6-D
núi Pả Môn	SV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 44' 41"	104° 54' 52"					E-48-6-D
bản Pỏm Om	DC	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong	19° 39' 29"	104° 54' 51"					E-48-6-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Suối Sắng	TV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong			19° 46' 28"	104° 53' 15"	19° 43' 31"	104° 53' 03"	E-48-6-B, E-48-6-D
Suối Sủng	TV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong			19° 44' 30"	104° 54' 42"	19° 43' 09"	104° 52' 14"	E-48-6-D
suối Vải Ôm	TV	xã Hạnh Dịch	H. Quế Phong			19° 46' 05"	104° 52' 36"	19° 42' 25"	104° 52' 15"	E-48-6-B, E-48-6-D
Bản Cắng	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 37' 09"	104° 54' 50"					E-48-6-D
bản Có Nòng	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 36' 15"	104° 55' 17"					E-48-6-D
Bản Dốn	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 36' 53"	104° 55' 07"					E-48-6-D
bản Đón Cham	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 35' 32"	104° 55' 35"					E-48-6-D
Xóm Dừa	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 36' 07"	104° 55' 05"					E-48-6-D
Nậm Giải	TV	xã Mường Nọc	H. Quế Phong			19° 41' 11"	104° 48' 35"	19° 34' 49"	104° 58' 12"	E-48-6-D
Bản Hăn	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 37' 18"	104° 55' 06"					E-48-6-D
bản Lông Không	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 36' 39"	104° 54' 35"					E-48-6-D
Bản Luống	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 35' 29"	104° 54' 55"					E-48-6-D
bản Mường Mừn	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 35' 37"	104° 54' 31"					E-48-6-D
bản Na Nga	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 36' 06"	104° 55' 22"					E-48-6-D
bản Ná Phày	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 36' 12"	104° 55' 37"					E-48-6-D
bản Na Phi	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 35' 30"	104° 55' 21"					E-48-6-D
bản Na Pu	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 36' 38"	104° 54' 29"					E-48-6-D
bản Pà Cà	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 36' 33"	104° 54' 21"					E-48-6-D
bản Pà Nạt	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 36' 25"	104° 54' 49"					E-48-6-D
Bản Tám	DC	xã Mường Nọc	H. Quế Phong	19° 36' 19"	104° 54' 43"					E-48-6-D
Bản Cáng	DC	xã Nậm Giải	H. Quế Phong	19° 39' 32"	104° 49' 06"					E-48-6-D
bản Chả Lẩu	DC	xã Nậm Giải	H. Quế Phong	19° 37' 40"	104° 49' 19"					E-48-6-D
núi Chóp Chóp	SV	xã Nậm Giải	H. Quế Phong	19° 44' 14"	104° 46' 29"					E-48-6-D
Nậm Giải	TV	xã Nậm Giải	H. Quế Phong			19° 41' 11"	104° 48' 35"	19° 34' 49"	104° 58' 12"	E-48-6-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Núi Khăm	SV	xã Nậm Giải	H. Quế Phong	19° 43' 35"	104° 41' 42"					E-48-6-A, E-48-6-C
Bản Méo	DC	xã Nậm Giải	H. Quế Phong	19° 41' 51"	104° 47' 19"					E-48-6-D
Bản Mở	DC	xã Nậm Giải	H. Quế Phong	19° 38' 25"	104° 49' 26"					E-48-6-D
Suối Piêng	TV	xã Nậm Giải	H. Quế Phong			19° 42' 29"	104° 46' 18"	19° 41' 11"	104° 48' 35"	E-48-6-D
bản Piêng Lâng	DC	xã Nậm Giải	H. Quế Phong	19° 42' 27"	104° 46' 22"					E-48-6-D
Bản Pòng	DC	xã Nậm Giải	H. Quế Phong	19° 39' 14"	104° 49' 14"					E-48-6-D
Bản Pục	DC	xã Nậm Giải	H. Quế Phong	19° 41' 37"	104° 48' 03"					E-48-6-D
Suối Quắn	TV	xã Nậm Giải	H. Quế Phong			19° 38' 52"	104° 51' 16"	19° 37' 37"	104° 50' 05"	E-48-6-D
suối Tà Nọi	TV	xã Nậm Giải	H. Quế Phong			19° 42' 54"	104° 48' 29"	19° 41' 11"	104° 48' 35"	E-48-6-D
Bản Tóng	DC	xã Nậm Giải	H. Quế Phong	19° 38' 58"	104° 49' 21"					E-48-6-D
núi Bù Đình	SV	xã Nậm Nhoóng	H. Quế Phong	19° 30' 39"	104° 41' 44"					E-48-6-A, E-48-6-C
núi Chà Lặt	SV	xã Nậm Nhoóng	H. Quế Phong	19° 33' 43"	104° 40' 17"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Huổi Cam	DC	xã Nậm Nhoóng	H. Quế Phong	19° 32' 57"	104° 45' 24"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Lin Khưởng	DC	xã Nậm Nhoóng	H. Quế Phong	19° 33' 16"	104° 45' 48"					E-48-6-D
Bản Mở	DC	xã Nậm Nhoóng	H. Quế Phong	19° 32' 18"	104° 44' 20"					E-48-6-A, E-48-6-C
Bản Na	DC	xã Nậm Nhoóng	H. Quế Phong	19° 32' 03"	104° 43' 36"					E-48-6-A, E-48-6-C
núi Na Ba	SV	xã Nậm Nhoóng	H. Quế Phong	19° 33' 00"	104° 44' 27"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Na Hốc 1	DC	xã Nậm Nhoóng	H. Quế Phong	19° 32' 20"	104° 42' 09"					E-48-6-A, E-48-6-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
bản Na Hốc 2	DC	xã Nậm Nhoóng	H. Quế Phong	19° 32' 18"	104° 41' 41"					E-48-6-A, E-48-6-C
Nậm Nhóng	TV	xã Nậm Nhoóng	H. Quế Phong			19° 31' 49"	104° 42' 43"	19° 33' 57"	104° 45' 33"	E-48-6-A, E-48-6-C
bản Nhọt Nhóng	DC	xã Nậm Nhoóng	H. Quế Phong	19° 33' 12"	104° 41' 02"					E-48-6-A, E-48-6-C
suối Nhọt Nhóng	TV	xã Nậm Nhoóng	H. Quế Phong			19° 33' 07"	104° 40' 57"	19° 31' 49"	104° 42' 43"	E-48-6-A, E-48-6-C
Bản Ca	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 29' 58"	104° 52' 22"					E-48-6-D
Bản Cào	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 30' 21"	104° 52' 05"					E-48-6-D
Bản Chiếng	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 30' 39"	104° 52' 08"					E-48-6-D
Núi Cò	SV	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 32' 31"	105° 00' 11"					E-48-7-C
bản Cỏ Hưởng	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 30' 53"	104° 51' 44"					E-48-6-D
Huổi Cối	TV	xã Quang Phong	H. Quế Phong			19° 33' 03"	104° 52' 50"	19° 30' 57"	104° 54' 25"	E-48-6-D
Bản Cu	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 30' 43"	104° 52' 16"					E-48-6-D
bản Hủa Khổ	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 30' 18"	104° 51' 16"					E-48-6-D
bản Pảo 1	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 30' 58"	104° 53' 46"					E-48-6-D
bản Pảo 2	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 30' 57"	104° 53' 27"					E-48-6-D
Sông Quàng	TV	xã Quang Phong	H. Quế Phong			19° 35' 20"	104° 41' 35"	19° 36' 14"	105° 00' 06"	E-48-6-D
Bản Quyn	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 30' 27"	104° 53' 06"					E-48-6-D
Bản Tạ	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 30' 12"	104° 51' 32"					E-48-6-D
bản Tỉn Cắng	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 29' 55"	104° 51' 32"					E-48-18-B
bản Tỉn Pú	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 30' 56"	104° 51' 35"					E-48-6-D
Nằm Xái	DC	xã Quang Phong	H. Quế Phong	19° 30' 37"	104° 56' 15"					E-48-6-D
xóm 1	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 35' 59"	104° 56' 57"					E-48-6-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
xóm 2	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 35' 59"	104° 56' 12"					E-48-6-D
xóm 3	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 35' 11"	104° 56' 08"					E-48-6-D
Bản Cọc	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 34' 21"	104° 57' 35"					E-48-6-D
Bản Đai	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 33' 26"	104° 58' 12"					E-48-6-D
Nậm Giải	TV	xã Quế Sơn	H. Quế Phong			19° 41' 11"	104° 48' 35"	19° 34' 49"	104° 58' 12"	E-48-6-D
xóm Hải Lâm 1	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 36' 21"	104° 58' 29"					E-48-6-D
xóm Hải Lâm 2	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 36' 34"	104° 58' 48"					E-48-6-D
bản Ná Ca	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 35' 33"	104° 55' 49"					E-48-6-D
bản Ná Công	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 35' 59"	104° 55' 59"					E-48-6-D
bản Ná Tọc	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 35' 50"	104° 56' 39"					E-48-6-D
núi Pà Pâng	SV	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 35' 51"	104° 58' 34"					E-48-6-D
xóm Phong Quang	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 36' 05"	104° 57' 21"					E-48-6-D
bản Piềng Mòn	DC	xã Quế Sơn	H. Quế Phong	19° 34' 40"	104° 58' 01"					E-48-6-D
Sông Quàng	TV	xã Quế Sơn	H. Quế Phong			19° 35' 20"	104° 41' 35"	19° 36' 14"	105° 00' 06"	E-48-6-D
quốc lộ 48	KX	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-6-B
Bản Ăng	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 52' 12"	104° 57' 44"					E-48-6-B
bản Cà Na	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 53' 04"	104° 56' 47"					E-48-6-B
Nậm Cần	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 59' 30"	104° 57' 01"	19° 53' 51"	104° 55' 00"	E-48-6-B
núi Cao Mạ	SV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 46' 30"	104° 53' 48"					E-48-6-B
Suối Cát	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			18° 54' 53"	105° 30' 26"	18° 55' 17"	105° 29' 09"	E-48-31-B-b, E-48-32-A-a
suối Chà Cà	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 54' 28"	104° 59' 06"	19° 52' 59"	104° 56' 49"	E-48-6-B
Sông Chu	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 55' 06"	104° 50' 25"	19° 55' 25"	105° 08' 50"	E-48-7-A, E-48-6-B
Suối Co	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 46' 50"	104° 55' 48"	19° 43' 48"	104° 57' 56"	E-48-6-B
Huôi Cụt	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 47' 49"	104° 52' 34"	19° 49' 28"	104° 52' 54"	E-48-6-B

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Suối Đừa	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 50' 03"	104° 57' 12"	19° 51' 20"	104° 58' 12"	E-48-6-B
Nậm Hàn	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 58' 51"	104° 55' 06"	19° 55' 06"	104° 50' 27"	E-48-6-B
bản Hiệp An	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 47' 50"	104° 59' 02"					E-48-6-B
bản Hiệp Phong	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 48' 56"	104° 58' 18"					E-48-6-B
bản Hủa Na 1	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 49' 34"	104° 58' 01"					E-48-6-B
bản Hủa Na 2	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 48' 29"	104° 58' 52"					E-48-6-B
bản Huôi Đừa	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 50' 58"	104° 58' 01"					E-48-6-B
Nậm Liêm	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 57' 57"	104° 56' 39"	19° 54' 11"	104° 53' 16"	E-48-6-B
Suối Lin	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 47' 01"	104° 53' 00"	19° 49' 43"	104° 53' 43"	E-48-6-B
Bản Lốc	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 51' 25"	104° 56' 59"					E-48-6-B
Suối Lướm	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 47' 12"	104° 54' 57"	19° 45' 52"	104° 55' 04"	E-48-6-B
Bản Mai	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 51' 09"	104° 59' 09"					E-48-6-B
bản Mường Phú	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 51' 26"	104° 52' 16"					E-48-6-B
bản Mường Piệt	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 51' 29"	104° 52' 56"					E-48-6-B
bản Na Lướm	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	104° 56' 56"	19° 51' 19"					E-48-6-B
núi Nặm Liềm	SV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	19° 56' 41"	104° 53' 49"					E-48-6-B
bản Phú Lâm	DC	xã Thông Thụ	H. Quế Phong	104° 57' 03"	19° 51' 27"					E-48-6-B
Suối Piệt	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 51' 06"	104° 54' 03"	19° 51' 25"	104° 58' 11"	E-48-6-B
Suối Pùng	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 57' 31"	104° 56' 21"	19° 56' 25"	104° 57' 07"	E-48-6-B
Huổi Sung	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 55' 35"	104° 59' 39"	19° 56' 45"	105° 01' 47"	E-48-7-A, E-48-6-B
Nậm Tố	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 50' 33"	104° 54' 17"	19° 51' 06"	104° 54' 03"	E-48-6-B
Suối Tố	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 36' 11"	104° 29' 09"	19° 35' 33"	104° 25' 48"	E-48-5-D
Suối Ty	TV	xã Thông Thụ	H. Quế Phong			19° 48' 59"	104° 56' 10"	19° 50' 58"	104° 55' 22"	E-48-6-B
quốc lộ 48	KX	xã Tiền Phong	H. Quế Phong			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-6-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
cầu Bai Việc	KX	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 39' 47"	104° 57' 28"					E-48-6-D
Bản Bon	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 37' 08"	104° 56' 01"					E-48-6-D
cầu Châu Tiến	KX	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 36' 42"	104° 59' 52"					E-48-6-D
Suối Co	TV	xã Tiền Phong	H. Quế Phong			19° 46' 50"	104° 55' 48"	19° 43' 48"	104° 57' 56"	E-48-6-D
Bản Coi	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 37' 29"	104° 56' 47"					E-48-6-D
bản Đan 1	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 37' 36"	104° 59' 14"					E-48-6-D
bản Đan 2	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 37' 29"	104° 59' 11"					E-48-6-D
Suối Hạt	TV	xã Tiền Phong	H. Quế Phong			19° 43' 48"	104° 57' 56"	19° 40' 3 "	105° 00' 45"	E-48-7-C, E-48-6-D
Sông Hiếu	TV	xã Tiền Phong	H. Quế Phong			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-6-D
Núi Huống	SV	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 38' 30"	104° 59' 46"					E-48-6-D
Bản Khủm	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 37' 32"	104° 58' 00"					E-48-6-D
bản Lâm Trường 2	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 38' 19"	104° 57' 44"					E-48-6-D
bản Lâm Trường 3	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 38' 30"	104° 57' 37"					E-48-6-D
bản Long Quang	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 38' 45"	104° 57' 56"					E-48-6-D
bản Mường Hin	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 38' 28"	104° 56' 42"					E-48-6-D
bản Na Bón	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 40' 46"	104° 57' 19"					E-48-6-D
bản Na Càng	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 43' 48"	104° 58' 03"					E-48-6-D
bản Na Cày	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 37' 58"	104° 56' 48"					E-48-6-D
bản Na Chang	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 42' 16"	104° 58' 02"					E-48-6-D
bản Nà Dến	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 37' 53"	104° 57' 34"					E-48-6-D
bản Na Nhắng	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 38' 43"	104° 56' 24"					E-48-6-D
bản Na Sành	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 44' 09"	105° 00' 50"					E-48-6-D
suối Nậm Niên	TV	xã Tiền Phong	H. Quế Phong			19° 45' 52"	104° 55' 04"	19° 43' 48"	104° 57' 56"	E-48-6-D
núi Pá Pự	SV	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 36' 21"	104° 59' 39"					E-48-6-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Suối Phùng	TV	xã Tiền Phong	H. Quế Phong			19° 42' 34"	105° 01' 07"	19° 42' 09"	105° 00' 28"	E-48-7-C
bản Phương Tiến 1	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 37' 55"	104° 58' 55"					E-48-6-D
bản Phương Tiến 2	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 38' 15"	104° 58' 44"					E-48-6-D
bản Phương Tiến 3	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 38' 17"	104° 58' 27"					E-48-6-D
Sông Quàng	TV	xã Tiền Phong	H. Quế Phong			19° 35' 20"	104° 41' 35"	19° 36' 18"	105° 00' 06"	E-48-6-D
Bản Tang	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 37' 35"	104° 56' 10"					E-48-6-D
bản Thịnh Phong	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 39' 32"	104° 57' 12"					E-48-6-D
bản Xấp Sành	DC	xã Tiền Phong	H. Quế Phong	19° 42' 15"	105° 00' 23"					E-48-6-D
Bản Bò	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 34' 23"	104° 43' 23"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Chà Lành	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 34' 44"	104° 41' 59"					E-48-6-A, E-48-6-C
núi Chà Lặt	SV	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 33' 43"	104° 40' 17"					E-48-6-A, E-48-6-C
Bản Chiềng	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 35' 23"	104° 41' 32"					E-48-6-A, E-48-6-C
Xóm Chợ	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 35' 31"	104° 41' 13"					E-48-6-A, E-48-6-C
Bản Chọt	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 36' 29"	104° 41' 33"					E-48-6-A, E-48-6-C
Nậm Chọt	TV	xã Tri Lễ	H. Quế Phong			19° 38' 54"	104° 39' 58"	19° 36' 30"	104° 41' 26"	E-48-6-A, E-48-6-C
bản Đ1	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 34' 58"	104° 42' 22"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Đ2	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 34' 44"	104° 43' 06"					E-48-6-A, E-48-6-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Bản Đôn	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 36' 57"	104° 41' 30"					E-48-6-A, E-48-6-C
Nóng Ẻn	TV	xã Tri Lễ	H. Quế Phong			19° 36' 50"	104° 42' 57"	19° 37' 09"	104° 44' 12"	E-48-6-A, E-48-6-C
bản Hủa Na	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 36' 02"	104° 40' 58"					E-48-6-A, E-48-6-C
suối Huôi Mới	TV	xã Tri Lễ	H. Quế Phong			19° 41' 17"	104° 40' 19"	19° 37' 43"	104° 41' 25"	E-48-6-A, E-48-6-C
bản Huồi Mới 1	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 39' 04"	104° 40' 56"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Huồi Mới 2	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 39' 26"	104° 40' 46"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Huồi Sái 1	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 39' 23"	104° 44' 24"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Huồi Sái 2	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 39' 33"	104° 44' 24"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Kèm Ải	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 37' 33"	104° 41' 23"					E-48-6-A, E-48-6-C
Suối Khăm	TV	xã Tri Lễ	H. Quế Phong			19° 35' 44"	104° 40' 13"	19° 35' 27"	104° 40' 37"	E-48-6-A, E-48-6-C
Bản Lằm	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 36' 14"	104° 41' 34"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Mường Lống	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 38' 04"	104° 45' 39"					E-48-6-D
bản Ná Ca	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 35' 03"	104° 40' 53"					E-48-6-A, E-48-6-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
bản Na Cấn	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 34' 32"	104° 42' 09"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Ná Chàng	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 35' 15"	104° 42' 35"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Ná Lịt	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 35' 08"	104° 42' 44"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Ná Niếng	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 35' 13"	104° 41' 46"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Ná Túi	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 34' 37"	104° 42' 30"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Nặm Cắm	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 35' 55"	104° 41' 10"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Nậm Tột	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 38' 33"	104° 43' 20"					E-48-6-A, E-48-6-C
Nậm Nghiến	TV	xã Tri Lễ	H. Quế Phong			19° 37' 48"	104° 39' 23"	19° 36' 30"	104° 41' 26"	E-48-6-A, E-48-6-C
bản Nóng 1	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 36' 20"	104° 41' 12"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Nóng 2	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 36' 32"	104° 41' 01"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Pà Khốm	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 36' 17"	104° 37' 59"					E-48-6-A, E-48-6-C
núi Păng Nơ	SV	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 37' 33"	104° 42' 04"					E-48-6-A, E-48-6-C
núi Phả Mặt	SV	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 35' 10"	104° 38' 04"					E-48-6-A, E-48-6-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Phắn Mồ	SV	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 36' 28"	104° 42' 40"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Pịch Niệng	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 33' 47"	104° 43' 16"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Piêng Lôm	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 36' 03"	104° 41' 38"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Piếng Luống	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 35' 19"	104° 39' 08"					E-48-6-A, E-48-6-C
núi Pù Kha	SV	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 38' 08"	104° 40' 14"					E-48-6-A, E-48-6-C
núi Pù Vĩ	SV	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 38' 41"	104° 39' 02"					E-48-6-A, E-48-6-C
Sông Quàng	TV	xã Tri Lễ	H. Quế Phong			19° 35' 20"	104° 41' 35"	19° 36' 18"	105° 00' 06"	E-48-6-D
suối Sa Lam	TV	xã Tri Lễ	H. Quế Phong			19° 37' 12"	104° 38' 51"	19° 35' 20"	104° 41' 35"	E-48-6-A, E-48-6-C
bản Tà Pàn	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 34' 01"	104° 44' 10"					E-48-6-A, E-48-6-C
Nậm Tột	TV	xã Tri Lễ	H. Quế Phong			19° 41' 37"	104° 40' 58"	19° 34' 39"	104° 47' 46"	E-48-6-A, E-48-6-C
Bản Xan	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 34' 43"	104° 40' 09"					E-48-6-A, E-48-6-C
bản Yên Sơn	DC	xã Tri Lễ	H. Quế Phong	19° 35' 14"	104° 40' 46"					E-48-6-A, E-48-6-C
khối 1	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 33' 02"	105° 05' 28"					E-48-7-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
khối 2A	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 33' 13"	105° 05' 25"					E-48-7-C
khối 2B	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 33' 11"	105° 05' 41"					E-48-7-C
khối 3	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 32' 56"	105° 05' 52"					E-48-7-C
khối 4	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 33' 03"	105° 05' 57"					E-48-7-C
quốc lộ 48	KX	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-7-C
khối Định Hoa	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 33' 51"	105° 05' 29"					E-48-7-C
khối Hạnh Khai	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 33' 35"	105° 05' 58"					E-48-7-C
Sông Hiếu	TV	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
khối Hoa Hải 1	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 33' 25"	105° 05' 57"					E-48-7-C
khối Hoa Hải 2	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 33' 23"	105° 06' 06"					E-48-7-C
khối Tân Hương 1	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 33' 36"	105° 04' 58"					E-48-7-C
khối Tân Hương 2	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 33' 32"	105° 04' 37"					E-48-7-C
khối Tân Thịnh	DC	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu	19° 32' 54"	105° 06' 02"					E-48-7-C
Suối Xén	TV	TT. Quỳ Châu	H. Quỳ Châu			19° 31' 17"	105° 04' 45"	19° 33' 12"	105° 05' 51"	E-48-7-C
bản Bính Thọ	DC	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 38' 34"	105° 01' 59"					E-48-7-C
Huôi Canh	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu			19° 43' 43"	105° 06' 04"	19° 42' 10"	105° 05' 36"	E-48-7-C
núi Cát Xa	SV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 43' 44"	105° 08' 52"					E-48-7-C
Huôi Chai	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu			19° 38' 29"	105° 05' 16"	19° 38' 24"	105° 01' 11"	E-48-7-C
núi Chăm Can	SV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 44' 36"	105° 06' 59"					E-48-7-C
Bản Chào	DC	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 38' 57"	105° 01' 35"					E-48-7-C
Huôi Chút	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu			19° 44' 03"	105° 06' 55"	19° 42' 57"	105° 06' 40"	E-48-7-C
Bản Cọc	DC	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 39' 08"	105° 00' 57"					E-48-7-C
Huôi Đống	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu			19° 41' 50"	105° 01' 08"	19° 41' 30"	105° 00' 37"	E-48-7-C
núi Hang Pua	SV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 37' 21"	105° 01' 51"					E-48-7-C
Bản Hạt	DC	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 38' 09"	105° 01' 28"					E-48-7-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Nậm Hạt	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu			19° 40' 03"	105° 00' 45"	19° 36' 45"	104° 59' 53"	E-48-7-C
huôi Hín Lớ	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu			19° 40' 26"	105° 01' 11"	19° 40' 06"	105° 00' 50"	E-48-7-C
Huôi Hun	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu			19° 41' 27"	105° 08' 44"	19° 41' 59"	105° 08' 52"	E-48-7-C
đập Khe Cọc	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 39' 43"	105° 01' 06"					E-48-7-C
đập Khe Nhã	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 39' 15"	105° 01' 51"					E-48-7-C
Huôi Khón	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu			19° 41' 18"	104° 59' 39"	19° 41' 09"	105° 00' 12"	E-48-6-D, E-48-7-C
bản Kiềng 1	DC	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 38' 14"	105° 00' 13"					E-48-7-C
bản Kiềng 2	DC	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 38' 05"	105° 00' 14"					E-48-7-C
Huôi Kới	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu			19° 40' 48"	105° 05' 45"	19° 40' 09"	105° 02' 19"	E-48-7-C
Bản Lạnh	DC	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 37' 44"	105° 01' 14"					E-48-7-C
Huôi Luông	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu			19° 41' 45"	105° 07' 39"	19° 42' 35"	105° 06' 13"	E-48-7-C
Bản Luồng	DC	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 38' 02"	105° 01' 19"					E-48-7-C
huôi Ma Chà Nước	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu			19° 44' 08"	105° 08' 23"	19° 43' 08"	105° 07' 24"	E-48-7-C
núi Ma Chà Nước	SV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 43' 13"	105° 08' 28"					E-48-7-C
Huôi Mái	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu			19° 42' 03"	105° 02' 15"	19° 40' 33"	105° 02' 14"	E-48-7-C
Bản Mở	DC	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 38' 48"	105° 01' 45"					E-48-7-C
Huôi Mười	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu			19° 42' 00"	105° 07' 59"	19° 42' 31"	105° 07' 53"	E-48-7-C
Huôi Nhã	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu			19° 41' 47"	105° 09' 36"	19° 39' 12"	105° 01' 17"	E-48-7-C
bản Nông Trang	DC	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 38' 23"	105° 01' 53"					E-48-7-C
núi Phà Can Đánh	SV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 37' 55"	105° 03' 05"					E-48-7-C
bản Phá Đáy	DC	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 37' 19"	105° 03' 02"					E-48-7-C
Huôi Phạt	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu			19° 41' 09"	105° 06' 54"	19° 42' 08"	105° 05' 55"	E-48-7-C
Huôi Phùng	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu			19° 43' 09"	105° 03' 31"	19° 42' 03"	105° 02' 15"	E-48-7-C
núi Pù Huống	SV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 38' 30"	104° 59' 46"					E-48-6-D

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
núi Pù Quạt	SV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 40' 29"	105° 05' 24"					E-48-7-C
núi Pù Sánh	SV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 40' 02"	105° 03' 26"					E-48-7-C
Núi Quang	SV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 41' 15"	105° 09' 07"					E-48-7-C
huôi Rú Chi	TV	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu			19° 43' 27"	105° 09' 06"	19° 42' 11"	105° 08' 35"	E-48-7-C
bản Xăng 1	DC	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 38' 45"	105° 00' 52"					E-48-7-C
bản Xăng 2	DC	xã Châu Bính	H. Quỳ Châu	19° 38' 31"	105° 00' 47"					E-48-7-C
đội 4	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 31' 26"	105° 08' 51"					E-48-7-C
bản 32	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 30' 38"	105° 12' 46"					E-48-7-C
bản 34	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 28' 46"	105° 14' 31"					E-48-19-A
quốc lộ 48	KX	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-19-A, E-48-19-B-a
xóm Bãi Gỗ	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 29' 18"	105° 12' 24"					E-48-19-A
Suối Bàn	TV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu			19° 29' 52"	105° 07' 24"	19° 30' 20"	105° 12' 00"	E-48-19-A, E-48-7-C
bản Bình 1	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 30' 11"	105° 12' 07"					E-48-7-C
bản Bình 2	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 30' 07"	105° 12' 51"					E-48-7-C
bản Bình 3	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 29' 27"	105° 13' 39"					E-48-19-A
bản Bình Quang	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 28' 45"	105° 16' 46"					E-48-19-B-a
núi Bù Cắm	SV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 31' 33"	105° 13' 00"					E-48-7-C
núi Bù Đô	SV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 29' 14"	105° 15' 54"					E-48-19-B-a
núi Bù Giải	SV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 29' 14"	105° 09' 58"					E-48-19-A
núi Bù Khạng	SV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 25' 49"	105° 11' 06"					E-48-19-A
núi Bù Khạng Nhỏ	SV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 25' 51"	105° 10' 08"					E-48-19-A
bản Cà Giạc	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 27' 45"	105° 10' 38"					E-48-19-A
Bản Cáng	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 28' 02"	105° 11' 11"					E-48-19-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Bản Cháy	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 28' 40"	105° 11' 17"					E-48-19-A
cầu Cô Ba	KX	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 30' 14"	105° 12' 50"					E-48-7-C
suối Cô Ba	TV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu			19° 30' 20"	105° 12' 00"	19° 31' 35"	105° 14' 28"	E-48-7-C
bản Độ 2	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 29' 06"	105° 12' 07"					E-48-19-A
bản Độ 3	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 28' 33"	105° 12' 49"					E-48-19-A
Sông Hiếu	TV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
bản Hòa Bình	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 30' 46"	105° 12' 11"					E-48-7-C
bản Kẻ Can	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 31' 22"	105° 10' 02"					E-48-7-C
bản Kẻ Đua	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 27' 52"	105° 12' 19"					E-48-19-A
xóm Kẻ Kên	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 28' 49"	105° 13' 50"					E-48-19-A
bản Kẻ Khoang	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 29' 47"	105° 13' 08"					E-48-19-A
Suối Khám	TV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu			19° 29' 29"	105° 15' 40"	19° 29' 36"	105° 16' 28"	E-48-19-B-a
Nậm Khạng	TV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu			19° 28' 38"	105° 11' 21"	19° 30' 20"	105° 12' 00"	E-48-19-A, E-48-7-C
bản Khe Bàn	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 30' 46"	105° 09' 10"					E-48-7-C
bản Lầu 1	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 31' 15"	105° 11' 37"					E-48-7-C
bản Lầu 2	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 30' 46"	105° 12' 11"					E-48-7-C
xóm Ná Bàn	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 30' 16"	105° 11' 52"					E-48-7-C
xóm Na San	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 27' 53"	105° 12' 43"					E-48-19-A
xóm Na Sớn	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 28' 13"	105° 12' 44"					E-48-19-A
bản Pà Hốc	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 27' 38"	105° 11' 11"					E-48-19-A
bản Quỳnh 1	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 29' 04"	105° 14' 41"					E-48-19-A
bản Quỳnh 2	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 28' 22"	105° 14' 52"					E-48-19-A
Bản Sắn	DC	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 29' 51"	105° 11' 46"					E-48-19-A
núi Sắn Đén Miếng	SV	xã Châu Bình	H. Quỳ Châu	19° 27' 09"	105° 09' 12"					E-48-19-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
quốc lộ 48	KX	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-7-C
Suối Bàn	TV	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu			19° 29' 52"	105° 07' 24"	19° 30' 20"	105° 12' 00"	E-48-19-A, E-48-7-C
dốc Bù Bài	KX	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 34' 11"	105° 03' 04"					E-48-7-C
bản Đình Tiến	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 34' 15"	105° 06' 48"					E-48-7-C
bản Đồng Minh	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 32' 37"	105° 06' 02"					E-48-7-C
Huôi Hán	TV	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu			19° 35' 10"	105° 04' 07"	19° 34' 17"	105° 03' 59"	E-48-7-C
bản Hạnh Tiến	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 33' 21"	105° 07' 15"					E-48-7-C
Sông Hiếu	TV	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-7-C
bản Húa Na	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 33' 16"	105° 04' 52"					E-48-7-C
bản Kẻ Bọn	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 33' 05"	105° 04' 58"					E-48-7-C
cầu Kẻ Bọn	KX	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 33' 25"	105° 05' 07"					E-48-7-C
bản Kẻ Nính	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 34' 34"	105° 06' 57"					E-48-7-C
bản Khe Hán	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 34' 31"	105° 04' 04"					E-48-7-C
cầu Khe Hán	KX	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 34' 19"	105° 04' 00"					E-48-7-C
bản Khe Lan	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 31' 59"	105° 04' 36"					E-48-7-C
bản Khe My	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 31' 47"	105° 06' 15"					E-48-7-C
suối Khố Xúng	TV	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu			19° 35' 42"	105° 04' 43"	19° 33' 55"	105° 04' 07"	E-48-7-C
Khe Lan	TV	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu			19° 30' 56"	105° 03' 26"	19° 31' 41"	105° 04' 42"	E-48-7-C
núi Lèn Phá Đai	SV	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 32' 27"	105° 07' 22"					E-48-7-C
bản Minh Châu	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 31' 58"	105° 06' 47"					E-48-7-C
bản Minh Tiến	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 32' 41"	105° 06' 16"					E-48-7-C
bản Ná Ca	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 32' 46"	105° 05' 49"					E-48-7-C
bản Ná Xén	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 32' 14"	105° 04' 48"					E-48-7-C
suối Nặm Đinh	TV	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu			19° 40' 05"	105° 08' 21"	19° 34' 07"	105° 07' 06"	E-48-7-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
suối Nặm Pông	TV	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu			19° 28' 44"	104° 59' 59"	105° 03' 20"	19° 33' 21"	E-48-7-C
Huôi Pa	TV	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu			19° 36' 40"	105° 04' 36"	19° 33' 32"	105° 05' 39"	E-48-7-C
bản Pà Cọ	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 34' 27"	105° 07' 03"					E-48-7-C
núi Phá Hói	SV	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 36' 03"	105° 03' 56"					E-48-7-C
bản Tà Cồ	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 34' 06"	105° 06' 45"					E-48-7-C
bản Tà Lạnh	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 33' 05"	105° 06' 11"					E-48-7-C
bản Tà Sỏi	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 34' 18"	105° 03' 28"					E-48-7-C
bản Thuận Lập	DC	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu	19° 34' 03"	105° 05' 48"					E-48-7-C
Suối Xén	TV	xã Châu Hạnh	H. Quỳ Châu			19° 31' 17"	105° 04' 45"	19° 33' 12"	105° 05' 51"	E-48-7-C
bản Mờ Póm	DC	xã Châu Hoàn	H. Quỳ Châu	19° 28' 42"	104° 57' 38"					E-48-18-B
bản Ná Ba	DC	xã Châu Hoàn	H. Quỳ Châu	19° 28' 04"	104° 56' 50"					E-48-18-B
bản Ná Cống	DC	xã Châu Hoàn	H. Quỳ Châu	19° 28' 30"	104° 57' 07"					E-48-18-B
bản Ná Mý	DC	xã Châu Hoàn	H. Quỳ Châu	19° 27' 43"	104° 56' 19"					E-48-18-B
bản Ná Ngốm	DC	xã Châu Hoàn	H. Quỳ Châu	19° 27' 12"	104° 55' 04"					E-48-18-B
bản Na Xá	DC	xã Châu Hoàn	H. Quỳ Châu	19° 28' 27"	104° 57' 32"					E-48-18-B
suối Nặm Cam	TV	xã Châu Hoàn	H. Quỳ Châu			19° 25' 30"	104° 51' 57"	19° 29' 13"	104° 59' 05"	E-48-18-B
bản Nật Dưới	DC	xã Châu Hoàn	H. Quỳ Châu	19° 27' 50"	104° 55' 59"					E-48-18-B
bản Nật Trên	DC	xã Châu Hoàn	H. Quỳ Châu	19° 27' 12"	104° 55' 10"					E-48-18-B
bản Pông Canh	DC	xã Châu Hoàn	H. Quỳ Châu	19° 28' 54"	104° 58' 13"					E-48-18-B
quốc lộ 48	KX	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu			19° 51' 31"	104° 50' 04"	19° 05' 04"	105° 35' 10"	E-48-7-C
làng 8/3	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 33' 37"	105° 10' 57"					E-48-7-C
núi Bù Ca	SV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 40' 55"	105° 10' 46"					E-48-7-C
núi Bù Đơn	SV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 36' 36"	105° 11' 21"					E-48-7-C
Núi Câu	SV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 40' 04"	105° 12' 02"					E-48-7-C
núi Chóm Quan	SV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 38' 58"	105° 13' 19"					E-48-7-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
Núi Cốc	SV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 39' 23"	105° 12' 48"					E-48-7-C
Bản Đơn	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 35' 20"	105° 10' 09"					E-48-7-C
Sông Hiếu	TV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
bản Hội 1	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 33' 33"	105° 09' 20"					E-48-7-C
bản Hội 2	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 34' 02"	105° 09' 51"					E-48-7-C
bản Hội 3	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 34' 31"	105° 09' 45"					E-48-7-C
Bản Khứm	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 32' 41"	105° 11' 18"					E-48-7-C
suối Khứm	TV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu			19° 32' 32"	105° 11' 15"	19° 33' 34"	105° 11' 19"	E-48-7-C
Bản Khun	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 35' 09"	105° 09' 13"					E-48-7-C
làng Lâm Hội	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 33' 07"	105° 09' 40"					E-48-7-C
Bản Lè	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 33' 42"	105° 08' 31"					E-48-7-C
Suối Mưn	TV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu			19° 37' 33"	105° 14' 18"	19° 33' 42"	105° 11' 29"	E-48-7-C
núi Pà Nhau	SV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 35' 04"	105° 11' 08"					E-48-7-C
Bản Sớn	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 38' 34"	105° 09' 02"					E-48-7-C
Khe Sớn	TV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu			19° 39' 22"	105° 10' 31"	19° 38' 23"	105° 09' 04"	E-48-7-C
Suối Sớn	TV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu			19° 38' 23"	105° 09' 04"	19° 33' 34"	105° 09' 02"	E-48-7-C
Khe Tằn	TV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu			19° 40' 40"	105° 10' 18"	19° 36' 57"	105° 10' 18"	E-48-7-C
Suối Tằn	TV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu			19° 36' 57"	105° 10' 18"	19° 33' 32"	105° 09' 11"	E-48-7-C
bản Tằn 1	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 36' 48"	105° 10' 19"					E-48-7-C
bản Tằn 2	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 37' 25"	105° 10' 46"					E-48-7-C
núi Tang Quai	SV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 39' 02"	105° 10' 42"					E-48-7-C
Núi Tọ	SV	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 32' 57"	105° 09' 08"					E-48-7-C
làng Việt Hương	DC	xã Châu Hội	H. Quỳ Châu	19° 32' 54"	105° 10' 26"					E-48-7-C
Huôi Căm	TV	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu			19° 38' 30"	105° 13' 40"	19° 37' 33"	105° 14' 18"	E-48-7-C
núi Chóm Quan	SV	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu	19° 38' 58"	105° 13' 19"					E-48-7-C

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
huôi Chùi Lùi	TV	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu			19° 34' 00"	105° 14' 45"	19° 31' 43"	105° 14' 18"	E-48-7-C
Núi Co	SV	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu	19° 32' 38"	105° 15' 44"					E-48-7-D-c
Núi Đèn	SV	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu	19° 36' 36"	105° 11' 21"					E-48-7-C
Sông Hiếu	TV	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu			19° 43' 07"	104° 51' 25"	19° 15' 32"	105° 25' 09"	E-48-19-B-d
núi Huồi Phạt	SV	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu	19° 34' 48"	105° 13' 02"					E-48-7-C
bản Liên Minh	DC	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu	19° 36' 32"	105° 13' 32"					E-48-7-C
Huôi Mưn	TV	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu			19° 37' 33"	105° 14' 18"	19° 33' 42"	105° 11' 29"	E-48-7-C
Huôi Na	TV	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu			19° 35' 55"	105° 14' 40"	19° 32' 52"	105° 12' 57"	E-48-7-C
bản Nga My	DC	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu	19° 37' 21"	105° 14' 17"					E-48-7-C
bản Nga Sơn	DC	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu	19° 37' 03"	105° 13' 48"					E-48-7-C
núi Pa Nhau	SV	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu	19° 35' 04"	105° 11' 08"					E-48-7-C
bản Tân Tiến	DC	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu	19° 35' 54"	105° 13' 41"					E-48-7-C
bản Thanh Sơn	DC	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu	19° 36' 10"	105° 12' 47"					E-48-7-C
bản Thanh Tân	DC	xã Châu Nga	H. Quỳ Châu	19° 35' 48"	105° 12' 32"					E-48-7-C
bản Ban 1	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 27' 03"	105° 01' 29"					E-48-19-A
bản Ban 2	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 27' 11"	105° 01' 25"					E-48-19-A
suối Bản Chiềng	TV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu			19° 22' 02"	104° 59' 49"	19° 26' 52"	105° 01' 40"	E-48-18-B, E-48-19-A
Nặm Cam	TV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu			19° 29' 13"	104° 59' 05"	19° 28' 44"	104° 59' 59"	E-48-18-B, E-48-19-A
Bản Chiềng	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 26' 48"	105° 01' 47"					E-48-19-A
Núi Cò	SV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 32' 31"	105° 00' 11"					E-48-7-C
Nậm Cướm	TV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu			19° 25' 52"	104° 58' 15"	19° 28' 44"	104° 59' 59"	E-48-18-B
Huổi Đôm	TV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu			19° 28' 05"	105° 05' 15"	19° 28' 49"	105° 00' 53"	E-48-19-A
bản Đôm 1	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 28' 22"	105° 03' 02"					E-48-19-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	
				(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	(Độ, phút, giây)	
bản Đôm 2	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 28' 10"	105° 02' 56"					E-48-19-A
Bản Lầu	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 29' 18"	104° 59' 11"					E-48-18-B
Bản Lìm	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 28' 52"	105° 00' 17"					E-48-18-B
Bản Luồng	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 28' 32"	105° 03' 21"					E-48-19-A
Núi Má	SV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 27' 05"	105° 06' 51"					E-48-19-A
Khe Mạt	TV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu			19° 32' 21"	105° 00' 51"	19° 32' 35"	105° 02' 33"	E-48-7-C
Bản May	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 29' 35"	104° 59' 41"					E-48-18-B
Xóm Mới	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 27' 53"	105° 01' 04"					E-48-19-A
núi Phá May	SV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 32' 32"	105° 00' 40"					E-48-7-C
bản Piếng Cắm	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 26' 45"	105° 01' 32"					E-48-19-A
bản Piếng Điếm	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 27' 56"	105° 02' 45"					E-48-19-A
Núi Pó	SV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 26' 21"	105° 04' 00"					E-48-19-A
Nậm Pông	TV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu			19° 28' 44"	104° 59' 59"	105° 03' 20"	19° 33' 21"	E-48-19-A, E-48-7-C
Huổi Pùng	TV	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu			19° 28' 38"	105° 06' 23"	19° 28' 05"	105° 05' 15"	E-48-19-A
Bản Quàng	DC	xã Châu Phong	H. Quỳ Châu	19° 28' 21"	104° 59' 33"					E-48-18-B

(Xem tiếp Công báo số 263 + 264)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.44946 – 080.44417
Fax: 080.44517
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: http://congbao.chinhphu.vn
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng